

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
KHOA LỊCH SỬ

TRẦN BÍCH MAI

PHẬT GIÁO CHAMPA TỪ THẾ KỶ III
ĐẾN THẾ KỶ X

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

HÀ NỘI, 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
KHOA LỊCH SỬ

TRẦN BÍCH MAI

**PHẬT GIÁO CHAMPA TỪ THẾ KỶ III
ĐẾN THẾ KỶ X**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học

TS. TRẦN THỊ THU HÀ

HÀ NỘI, 2019

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các Thầy giáo, Cô giáo trong Khoa Lịch sử của trường ĐHSP Hà Nội 2 đã dạy dỗ, chỉ bảo và truyền đạt kiến thức cho em trong suốt quá trình học tập và rèn luyện tại trường cũng như trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp này.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn cô Trần Thị Thu Hà đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình nghiên cứu, thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Và cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè và những người thân đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích em trong những lúc khó khăn để cho em hoàn thành tốt khóa luận của mình.

Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, do thời gian có hạn và bước đầu làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các Thầy, Cô giáo và các bạn sinh viên.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, Ngày tháng năm 2019

Tác giả khóa luận

Trần Bích Mai

LỜI CAM ĐOAN

Khóa luận tốt nghiệp “*Phật giáo Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X*” được hoàn thành dưới sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Trần Thị Thu Hà.

Em xin cam đoan khóa luận này là kết quả nghiên cứu của riêng bản thân em, không trùng lặp với bất kỳ kết quả nghiên cứu của tác giả nào khác. Những kết quả đạt được là hoàn toàn chân thực. Nếu sai em xin chịu trách nhiệm

Hà Nội, Ngày tháng năm 2019

Tác giả khóa luận

Trần Bích Mai

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Đóng góp của khóa luận.....	5
7. Bố cục của khóa luận.....	5
NỘI DUNG.....	6
Chương 1.....	6
QUÁ TRÌNH DU NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO ĐẾN CHAMPA TỪ THẾ KỶ III ĐẾN THẾ KỶ X.....	6
1.1. Bối cảnh lịch sử.....	6
1.1.1. Ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ.....	6
1.1.2. Sự phát triển của Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X.....	8
1.2. Các giai đoạn phát triển của Phật giáo Champa.....	13
1.2.1. Giai đoạn từ thế kỷ III đến thế kỷ VII.....	13
1.2.2. Sự phát triển từ thế kỷ VII đến thế kỷ X.....	15
1.2.3. Sự tiêu vong Phật giáo ở Champa.....	27
Tiểu kết chương 1.....	30
Chương 2.....	31
ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐẾN CHAMPA.....	31
2.1. Ảnh hưởng đến xã hội.....	31
2.2. Về văn hóa.....	32
2.2.1. Ảnh hưởng tới nghệ thuật, kiến trúc: Nghệ thuật Phật giáo Champa xu hướng nghệ thuật liên châu Á.....	32
2.3. Ảnh hưởng ra bên ngoài.....	36
2.3.1. Sự tích Phật Triết một nhà sư Mật tông và sự kiện truyền bá Phật giáo Champa đến Nhật Bản và Ấn Độ.....	36
2.3.2. Giới luật của Phật giáo và vũ điệu mà Phật Triết sáng tạo ở Nhật Bản.....	38

Tiểu kết chương 2	41
KẾT LUẬN	42
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Phật giáo từ nơi khởi nguồn là Ấn Độ đã phát triển thịnh đạt ở chính quốc gia sản sinh ra và sau đó lan rộng ra khu vực. Khu vực mới phát triển lúc đó có thể nói là Đông Nam Á với những quốc gia cổ đầu tiên. Trong sự phát triển của mình các nhà sư Ấn Độ đã đi đến các quốc gia lân cận để truyền đạo. Giai đoạn từ thế kỷ I đến thế kỷ X sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa bên ngoài là rất lớn đối với các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á và đặc biệt là văn hóa của Ấn Độ.

Champa là vương quốc cổ hùng mạnh trong lịch sử với một nền văn hóa đa dạng rực rỡ nhưng đã dần lụi tàn theo thời gian cùng với những công trình đến tháp vĩ đại và kỳ bí. Tài liệu nghiên cứu khoa học cùng với những công trình về vương quốc Champa và nền văn hóa còn nhiều vấn đề chưa được sáng tỏ và đã nảy sinh những bất đồng của các nhà nghiên cứu trong cùng ngành lẫn các ngành khác; do quan điểm chính trị, xã hội khác nhau mà có lúc dẫn đến đối đầu gay gắt.

Một trong những nguyên nhân chính là do thời gian này chưa tìm thấy nguồn sử liệu chính thống nhất về vương quốc Champa. Những nhà nghiên cứu đều phải dựa trên ba nguồn tư liệu chính là bia ký, các ghi chép đến từ ngoài lãnh thổ như Châu Âu, Ấn Độ, Ả Rập và nhất là của Đại Việt và Trung Hoa nhưng còn rất ít tư liệu và các nghiên cứu khảo cổ học.

Nghiên cứu về vấn đề Phật giáo Champa để chúng ta thấy được rằng Phật giáo Champa đóng một vai trò, vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của dân Champa tồn tại từ đầu Công Nguyên đến thế kỷ IX. Tìm hiểu về Phật giáo Champa để thấy rằng trong xã hội Champa có sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên. Chính Phật giáo đã tạo ra sự cân bằng của hai thế giới này, mang tới một chiều sâu tinh thần cho tất cả mọi thể chất. Chính vì vậy, Phật giáo đóng quan trọng trong tinh thần xã hội Chăm xưa, góp phần làm nên diện mạo nền văn hóa Chăm rực rỡ.

Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng của Phật giáo trong tư tưởng người Champa ở Champa chúng tôi chọn đề tài: **“Phật giáo Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu về Champa và thành tựu tôn giáo Champa qua các thời kỳ đã được nhiều học giả trong và ngoài nước đề cập đến.

Các học giả nước ngoài: Việc nghiên cứu về Champa và Phật giáo Champa không thể bỏ qua những nhà nghiên cứu nước ngoài có nhiều năm nghiên cứu chuyên sâu như Gergeo Codes, L. Fnot...

Với Pierre-Bernard L.Fnot có tác phẩm “*Vương Quốc Champa. Đại Du, Dân Cư và Lịch Sử*” ông viết được rất nhiều điều từ Champa từ nguồn gốc, địa cư, dân chí những phong tục cổ những câu chuyện truyền thuyết còn được lưu lại.

Với Pierre-Bernard L.Fnot có tác phẩm “*Vương Quốc Champa. Đại Du, Dân Cư và Lịch Sử*” Kế thừa thành tựu nghiên cứu về Champa học, nhà sử học Pierre Bernard Lafont đã tái dựng lại lịch sử vương quốc Champa mang tựa đề *Le Champa : Gesographie-Population-Histoire* (2007) do nhà xuất bản Les Indes Savantes phát hành ở Pháp. Nhận thức được giá trị của tác phẩm trên tổ chức IOC (International Office of Champa) có trụ sở ở Hoa Kỳ đã cho tiến hành chuyển ngữ sang tiếng Việt mang tên *Vương quốc Champa: Địa dư, dân cư và lịch sử* gồm có 236 trang và phát hành vào năm 2011 dưới sự bảo trợ của Hội đồng Phát triển Văn hóa-Xã hội Champa . Nội dung tác phẩm đã cung cấp trên các lĩnh vực địa dư, dân cư và lịch sử. Trong phần dân cư, Pierre Bernard L.Font tập trung trình bày và phân tích về nguồn gốc của cư dân Champa, ngôn ngữ, dân số, những ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ, tổ chức xã hội, tín ngưỡng, văn hóa, tổ chức chính trị, kinh tế, nghệ thuật. GS.TS. Pierre Bernard L.Font đã đưa ra những nhận thức mới về các vấn đề văn hóa-xã hội Champa . Giá trị lớn nhất của tác phẩm là tác giả đã trình bày các vấn đề lịch sử một cách khách quan và khoa học dựa trên cơ sở lí luận chặt chẽ với dẫn chứng thuyết phục. Qua đó, cung cấp thêm tư liệu và nhận định mới khoa học hơn về các vấn đề lịch sử, văn hóa và tổ chức xã hội của Champa .

Tác phẩm “*Hành trình văn hóa Chăm*” của Iva Kra một người con của đất Champa trước đây muốn tìm về nguồn cội của mình. Tác phẩm đề cập đến một số nội dung: người Chăm là ai, và đang ở đâu qua tư liệu lịch sử cũng

như truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian; tiếp đến là Hải sử và văn hóa biển Chăm với Cù Lao Chàm và Cửa Đại Chiêm trong quan hệ kháng khí với thế giới Đông Nam Á Hải đảo. Văn hóa vật chất gồm ẩm thực, nhà cửa, trang phục, ngành nghề thủ công truyền thống, phương tiện đi lại và vận chuyển, di tích lịch sử – văn hóa.

Các học giả trong nước: Ở Việt Nam việc nghiên cứu về lịch sử vương triều đất nước Chăm không còn xa lạ. Đã có nhiều tác phẩm công trình nghiên cứu, bài báo có giá trị của các tác giả như: Lương Ninh, Phan Xuân Biên, Thông Thanh Khánh, Ngô Văn Doanh....

Có thể nói, GS Lương Ninh là người đặt nền móng cho việc nghiên cứu lịch sử- văn hóa Champa tại Việt Nam Với tác phẩm “Vương quốc Champa” (2006) đã tạo ra một dấu ấn mới cho giới nghiên cứu hiện tại về Champa. Trong tác phẩm của mình trình bày sự hình thành, phát triển của vương quốc Champa qua từng thời kỳ lịch sử.

Ngô Văn Doanh cũng có nhiều công trình đặc sắc về văn hóa- nghệ thuật liên quan đến vương quốc Champa. Ông viết khá nhiều với niềm đam mê đầy cá tính đối với Phật giáo Champa . Liên quan đến Phật giáo Chăm có thể kể đến: *Tháp cổ Champa, sự thật và huyền thoại (1994)*, *Thành địa Mỹ Sơn (2003)*, *văn hóa cổ Champa(2003)*, *điêu khắc Champa (2004)*, *Tháp bà Po Nagar* . Qua những tác phẩm và bài viết, tác giả đã cho chúng ta thấy một cách khá sâu sắc, toàn diện về văn hóa Champa mang yếu tố Tôn giáo đặc biệt là Phật giáo .

Ngô Văn Doanh với “*Động Phong Nha và những dấu tích chùa Hang của Phật giáo Champa*” trên tạp chí nghiên cứu Tôn giáo (2008): Động Phong Nha là một quần thể một quần thể còn lưu giữ lại những dấu ấn Phật giáo của Champa trước. Việc tìm kiếm, tìm hiểu về Động Phong Nha có ảnh hưởng rất lớn đến cách nhìn về Phật giáo Champa hiện nay.

Phan Xuân Biên với tác phẩm “*Văn hóa Champa-yếu tố bản địa và bản địa hóa*” Tạp chí dân số học, số 1. Với nội dung tìm hiểu những yếu tố mang tính bản địa truyền thống và sự linh hoạt trong việc giao lưu văn hóa với các nước trong khu vực tạo nên sự đa dạng trong văn hóa của người dân Chăm.

Bên cạnh các tác phẩm nghiên cứu Phật giáo nói trên, cần phải kể tới các bài viết trên các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo khoa học cũng như các website của đạo Phật. Đầu tiên phải kể đến bài viết “ *Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến tôn giáo của người Chăm ở Ninh Thuận của Phan Quốc Anh*”, “ *Thời điểm du nhập Phật giáo vào Champa*” của Thông Thanh Khánh,... Những bài viết trên đã cũng cấp cho ta ít nhiều tư liệu về Phật giáo của Champa.

Từ những tài liệu trên đã cung cấp những tư liệu nghiên cứu Champa nói chung và Phật giáo nói riêng. Với lý do đó tác giả đã lựa chọn vấn đề Phật giáo Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Khóa luận trình bày được từ quá trình du nhập và phát triển, việc tiếp nhận Phật giáo đến đời sống của nhân dân Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X.

Nhiệm vụ: Để thực hiện mục đích trên, khóa luận có nhiệm vụ

Thứ nhất: Trình bày được bối cảnh lịch sử và sự thành lập phát triển của Phật giáo ở Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X.

Thứ hai: Tìm hiểu về những ảnh hưởng tiêu biểu của Phật giáo đến đời sống nhân dân Champa.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.2 *Đối tượng*: Khóa luận tập trung vào quá trình du nhập đến phát triển và suy tàn của Phật giáo ở Champa, đồng thời nghiên cứu tác động của Phật giáo đến đời sống của nhân dân Champa.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu*.

Thời gian nghiên cứu: Trong khoảng thời gian từ thế kỷ III đến thế kỷ X, từ khi bắt đầu hình thành đến quá trình suy yếu vai trò của Phật giáo ở Champa

Không gian nghiên cứu: Khóa luận tập trung nghiên cứu trên phạm vi lãnh thổ của vương quốc Champa (từ Quảng Bình đến Bình Thuận) và một số nước trong khu vực Châu Á mà Phật giáo ảnh hưởng đến .

5. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên các nguồn tư liệu chính sau:

Thứ nhất: Bộ sách nghiên cứu về văn hóa Chăm của Ngô Văn Doanh và Phan Xuân Biên, cùng một số tác giả nước ngoài. Đây là nguồn tư liệu vô cùng quý giá giúp tôi có thể khai thác những vấn đề liên quan đến đề tài mà mình đang nghiên cứu.

Thứ hai: Các bài báo, tạp chí trên các tạp chí chuyên ngành,...

Về phương pháp nghiên cứu: Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, người viết sử dụng kết hợp 2 phương pháp cơ bản để nhận thức đối tượng đó là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra, công trình cũng sử dụng nhuần nhuyễn một số phương pháp cụ thể khác như so sánh, thống kê, tổng hợp để xử lý tốt hệ thống tư liệu, tài liệu cũng như đưa ra những kết luận chân xác hơn.

6. Đóng góp của khóa luận

Nghiên cứu vấn đề này có đóng góp quan trọng về mặt khoa học cũng như có giá trị thực tiễn cao.

Về mặt khoa học, việc thực hiện đề tài sẽ góp phần làm sâu sắc và phong phú về tình hình phát triển của Phật giáo ở Champa, thông qua việc khôi phục sự ra đời và phát triển của Phật giáo.

Về mặt thực tiễn, khóa luận có những đóng góp về mặt tư liệu cho những ai quan tâm đến Phật giáo ở Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X.

7. Bố cục của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Quá trình du nhập và phát triển ở Phật giáo đến Cham Pa từ thế kỷ III đến thế kỷ X

Chương 2: Ảnh hưởng của Phật giáo đến Champa

NỘI DUNG

Chương 1

QUÁ TRÌNH DU NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO ĐẾN CHAMPA TỪ THẾ KỶ III ĐẾN THẾ KỶ X

1.1. Bối cảnh lịch sử

1.1.1. Ảnh hưởng của Phật giáo Ấn Độ

1.1.1.1. Sự phát triển của Phật giáo Ấn Độ

“Đức Phật nhập cõi Niết bàn (Nirvana) vào khoảng năm 480 trước Công Nguyên và đạo lý của Ngài bắt đầu được truyền bá trong cùng khu vực sông Hằng (Gangze)” [8; tr. 67]. Từ đầu thế kỷ III đến thế kỷ II trước công nguyên, đạo Phật đã thịnh hành khắp Ấn Độ, việc truyền bá Phật giáo được đẩy mạnh một cách mãnh liệt dưới thời A Dục hoàng đế (Asoka), một nhà vua mộ đạo, và dưới thời của tứ hoàng Krishna. Tuy nhiên, Phật giáo đạt đến đỉnh cao thịnh vượng ở Ấn Độ là vào thế kỉ thứ VII, rồi phải suy tàn bởi cuộc xâm lăng tàn khốc của người Hồi giáo (Muslim) vào thế kỷ thứ XIII .

Phật giáo cũng đã trải qua nhiều một vài cuộc phân liệt. Nhưng cuộc phân liệt lớn nhất xảy ra vào thế kỷ thứ I sau công nguyên. Lúc ấy, bị chia thành hai giáo phái lớn nhất của Phật giáo đó là phái Bắc tông và phái Nam tông. Phái Nam tông sau này thịnh hành ở vùng Nam Ấn Độ, về kinh tạng và lối tu hành còn giữ nhiều quy chuẩn nguyên thủy của Phật giáo, nên gọi là Phật giáo Nguyên Thủy. Phái này hiện thịnh hành ở Tích Lan, Xiêm, Miến Điện, Cao Miên, Ai Lao và một số tỉnh miền Nam Việt Nam, nơi có người khơmer sinh sống .

Phái Bắc tông vốn trước đây thịnh hành ở phía Bắc Ấn Độ và được cải biến rất nhiều. Phái này sau truyền sang các quốc gia như Nepal, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản và sau này cả ở Việt Nam. Về nghệ thuật điêu khắc tượng Đức Phật và các vị Bồ Tát. Dựa trên những công trình có tính chất địa phương từ xưa bao trùm lên toàn bộ nền văn hóa Á Đông của Châu Á.

Từ sự phát triển đó mà Phật giáo lan rộng ra khắp các khu vực lân cận của mình và đặc biệt là đến khu vực Đông Nam Á nơi đó có rất nhiều vương quốc đang phát triển. Phân liệt ra hai trường phái Nam Tông và Bắc Tông cũng tạo nên sự khác biệt về Phật giáo khi du nhập đến những quốc gia khác. Hơn thế nữa khi đi vào các quốc gia khác họ lại cải biến hoặc kết hợp với yếu tố truyền thống vì thế mà ở mỗi quốc gia Phật giáo vẫn có những nét chung và cả những nét riêng như ở Đại Việt, Champa, Miên Điện, ...

1.1.1.2. Con đường du nhập của Phật giáo Ấn Độ đến Đông Nam Á và Champa

Ở Đông Nam Á, Phật giáo đã tỏa rộng ảnh hưởng nhanh chóng và đầy tính thuyết phục của mình qua tuyến thương mại biển : *“Trong bối cảnh Ấn Độ, câu hỏi đặt ra cũng là một cách giải thích sự bành trướng hệ thống thương mại chưa từng thấy trong thời sơ sử. Thời kỳ hậu Mauryan được ghi nhận bởi sự tăng lên về mặt số lượng các trung tâm đô thị và của cảng ở bán đảo Ấn Độ; với một vùng duyên hải mở rộng, mạng lưới trao đổi ven biển và thương mại từ rất lâu thường được xem như chất xúc tác trong sự thay đổi xã hội”* [14; tr. 35].

Vương quốc Champa xưa là một quốc gia cổ thuộc khu vực Đông Nam Á. Khu vực Đông Nam Á nhất là bán đảo Đông Dương được xem như vùng “đệm” giữa hai nền văn minh lớn của nhân loại đó là Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó nó là con đường để đi đến nhiều nơi, và là nơi gặp nhau của nhiều nền văn minh lớn như Trung Hoa, Ấn Độ, Java, ... Vì vậy mà nơi đây được coi là điểm hội tụ của nhiều nền văn minh lớn trong đó có Ấn Độ .

Do nằm ở vị trí địa lý thuận lợi bên bờ biển Đông, do có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú mà Ấn Độ thời cổ cần, nên ngay những thế kỷ đầu công nguyên, những thương nhân Ấn, trên đường tìm hương liệu và vàng, đã đặt lên vùng đất ven biển miền Trung Việt Nam mà sau này nơi đó trở thành vương quốc cổ Champa. Dù cho đến nay, chưa tìm thấy dấu tích nào chứng tỏ về những trung tâm mua bán của người Ấn ở Champa, nhưng có thể là những cảng lớn của Champa như Chiêm cảng (gần cửa Hội An), Châu Sa (Quảng Ngãi), Thị Nại (Quy Nhơn), Nha Trang (tên xưa là Kauthara),

Panduranga (Phan Rang)... là những địa điểm tốt để những thương nhân người Ấn ở những trung tâm mua bán sầm uất.

Ngoài ra, để giao lưu buôn bán mà có thể các nhà buôn Ấn đã phải lấy người con gái bản xứ để có thể giao tiếp vì không có người phiên dịch và cũng như truyền bá một số nghi thức của họ để tiện việc phát triển buôn bán sau này.

Theo các nhà nghiên cứu, ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ đến Đông Nam Á nói chung và Champa nói riêng chủ yếu là sự bành trướng của một nền văn hóa có tổ chức, dựa trên quan điểm của Ấn Độ về vương quyền mà tiêu biểu là Ấn Độ giáo và Phật Giáo. *“Người Ấn không hề tiến hành ở Champa một cuộc xâm lược vũ trang nào và cũng không hề thôn tính tên tuổi của một quốc gia hoặc một đô thị nào. Các vương quốc “Ấn Độ hóa” chỉ có những quan hệ về mặt truyền thống với các triều vua Ấn Độ mà không lệ thuộc về chính trị. Điều này khác hẳn sự bành trướng bằng bạo lực, bằng chinh phục của người Trung Hoa. Vì thế những nước mà Ấn Độ chinh phục bằng cách hòa bình và bằng những ảnh hưởng văn hóa vẫn duy trì được bản chất của mình và phát huy nó lên. Và điển hình cho sự ảnh hưởng này là Champa”* [11; tr. 87].

Con đường truyền bá Phật giáo đến các vương quốc cổ ở Đông Nam Á trong đó có Champa đã hình thành rất sớm từ những thế kỷ đầu theo Tây lịch. Các triều đại trong lịch sử những tiểu quốc Champa đã tiếp nhận được rất nhiều Phật giáo bằng nhiều con đường khác nhau và theo mức độ khác nhau. Người dân Champa phần lớn là những cư dân nghề ven biển họ có sự nhanh nhạy trong tư duy họ du nhập những cái điều mới mẻ và không bị gò bó vào cuộc sống của mình chỉ muốn hòa nhập với thiên nhiên con người với một cuộc sống ổn định. Phật giáo của Ấn Độ đến họ có những thay đổi cho mình.

1.1.2. Sự phát triển của Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X

Trong thời kì mà Phật giáo Ấn Độ đến và ảnh hưởng của Phật giáo đi sâu và trong dân gian cũng chính nhờ vào những vương triều cai trị lúc đó. Những vương triều lớn có mối quan hệ rất tốt với Ấn Độ và rồi từ đó ảnh hưởng đến tín ngưỡng tôn giáo của vương quốc mình.

Vương triều Gangaragia (cuối thế kỷ II- đầu thế kỷ VIII). Đặt kinh đô ở Trà Kiêu (huyện Duy Xuyên, Quảng Nam): Sự cống hiến của vương triều với vương quốc Champa trong một thời gian chừng 5 thế kỉ có vẻ là không nhiều, nhưng rất căn bản: với sự thống nhất bước đầu, gồm miền Bắc, miền Trung và một phần Nam Chăm, Nam đèo cả .

Quan hệ Champa với Trung Hoa rất thưa thớt và không mang tính thương mại. Những thuyền buôn rẽ qua ở biển Champa để tiếp thêm lương thực, nước ngọt cho những chuyến đi dài ngày, hoặc cao hơn là đổi lấy trầm hương, dấu vết chỉ được tìm thấy trong gốm . Việc trao đổi sản phẩm qua lại vẫn được tiếp tục trong giai đoạn vương triều Sinhapura. Nhưng có thể khẳng định sự trao đổi kinh tế cũng như văn hóa giữa Champa và Trung Hoa vào giai đoạn vương triều Sinhapura chính thống cũng mờ nhạt. Đáng kể là những xung đột về chính trị lãnh thổ. Trung Hoa muốn thiết lập ảnh hưởng của mình ở Champa theo kiểu đô hộ trực tiếp nhưng đã không thành .

Có thể khẳng định: “Nơi nào đó trong khu vực Đông Nam Á mà người Hán không xâm chiếm được và đặt ách đô hộ được thì ở nơi đó văn hóa Trung Hoa khó được chấp nhận và lựa chọn. Champa là một trong những trường hợp. Họ tiếp nhận văn hóa Ấn trên cơ sở hội nhập văn hóa Nam Chăm. Và ngay trong giai đoạn đầu lập quốc, văn hóa Ấn Độ đã lan tỏa và ảnh hưởng một cách sâu sắc” [1; tr. 67].

Quan hệ Champa với Ấn Độ theo G.Coedes cho rằng: *“Những chuyến thuyền buôn của Ấn Độ xuất phát từ bờ biển Coromande, nếu vậy các thuyền của Ấn Độ muốn đi vào vùng vịnh Thái Lan và bờ biển Nam Việt Nam, những con đường đó phải đi qua hai tuyến đường chính: Hoặc qua eo biển Malacca hay Sunda, Lombok; hoặc băng qua bán đảo Malaya và các đảo Indonesia là những nơi có sự hiện diện sớm nhất của văn hóa Ấn Độ, nhưng ở đây trước thế kỷ IV lại thấy rất mờ nhạt. Trong khi đó lại thấy rất sớm và phổ biến ở Phù Nam, Champa những quốc gia cổ đại đầu tiên ở phía Nam Việt Nam, và cũng là những quốc gia cổ đại sớm nhất ở Đông Nam Á. Vương triều Sinhapura mang nhiều yếu tố Hindu trong quá trình phát triển của mình” [10; tr. 46].*

Vương triều Pandduranga (giữa thế kỷ VIII- giữa thế kỷ IX), kinh đô đặt chủ yếu tại Phan Rang (Ninh Thuận), nhưng Nha Trang (Khánh Hòa) là nơi thờ tự của đất nước từ năm 750-850.

Sau Vikarantarman II, đã xảy ra một biến động lớn về chính trị, Tân Đường thư (Q 222 Ha, 1b) cho biết: “*Sau niên hiệu Chí Đức (tức Đường Minh Hoàng khoảng năm 756-758) [Lâm Ấp] đổi tên thành Hoàn Vương*” [1; tr. 54] .

Lâm Ấp hay Hoàn Vương đều chỉ Champa. Trên thực tế người Chăm luôn tự gọi mình là vua Champa . Bia của Indravarman I còn khẳng định ông “*Cai quản toàn bộ Champa*” [8; tr.65]. Vương triều thứ hai đóng đô ở miền Nam, tên kinh đô được biết đến qua bia kí là Virapura (trong vùng Paduranga, tên chỉ vùng Nam Chăm, xuất hiện trong bia Po Nagar thế kỷ VIII). Cũng trong bia của Indravarman I kể trên còn cung cấp cho ta biết phổ hệ của vương triều này, có 6 đời vua bắt đầu từ năm 749 kết thúc năm 854.

Kauthara là nơi có thánh địa Po Nagar và là trung tâm quân sự quan trọng nhất của miền Nam Chăm cho đến đầu vương triều II. Suốt giai đoạn Virapura và giai đoạn Vijaya sau này, Po Nagar vẫn giữ một vai trò quan trọng – nếu không phải là trung tâm về mặt hành chính thì cũng là trung tâm lâu đời về mặt tôn giáo của Nam Chăm và cả của Champa .

Vương triều Đông Dương (Indrapurra), (giữa thế kỷ IX- cuối thế kỷ X) đặt kinh đô ở làng Đồng Dương (huyện Thăng Bình, Quảng Nam): Một trung tâm mới ở phía Bắc nổi lên từ giữa thế kỷ IX- niên đại chắc chắn là năm 875 được ghi nhận trong tượng bia của vua Indravarman II (L. Finot ký hiệu là Đồng Dương I trong hệ thống bia ký Champa mà ông thống kê). Bia cũng cho biết kinh đô mới có tên gọi là “*Indrapura*”. Thời kỳ này nội tình Champa có những thay đổi đáng kể. Nhiều mối quan hệ cũng xuất hiện. Những mối quan hệ mới cũng xuất hiện. Những mối quan hệ cũ vẫn được duy trì nhưng mức độ và tính chất đã khác đi rất nhiều. Vị thế của Indrapurra cũng khác nhiều so với Sinhapura và Virapura nên đã đem đến những thay đổi đáng kể về mặt quan hệ với bên ngoài.

Trước hết đó là sự thay đổi địa điểm kinh đô. Indrapura không đóng tại địa điểm cũ Sinhapura – Trà Kiệu. Trà Kiệu chắc đã trải qua ít nhất hai lần bị cướp bóc (năm 446 và năm 605), không thể không bị hủy hoại và điêu tàn và cũng không thể không lo còn tiếp tục bị uy hiếp. Các vua Chăm đã tìm kiếm, đặt kinh đô ở một địa điểm mới. Kinh đô Indrapurra được khảo cổ học đoán định là ở làng Đồng Dương, nay thuộc xã Bình Định, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nằm trên bờ sông Ly Ly, một nhánh của sông Thu Bồn.

Đồng Dương còn đáp ứng được những yêu cầu chiến lược đối với kinh đô. Là thung lũng, ba bề là núi (núi Đò Chồng phía Tây, núi Hòa Tàu nối liền, kéo dài từ phía Tây lên Tây- Bắc), cách biển không xa (khoảng 200m), vẫn liên lạc được với cảng Đại Chiêm dù không thuận lợi bằng Trà Kiệu, lùi xa Trà Kiệu hơn về phía Nam, nhưng lại không quá xa (đường bộ khoảng 40 km, nhưng đường chim chỉ 20 km). Đồng Dương khuất nẻo và cách trở hơn so với Trà Kiệu nhưng vẫn tiện đường liên hệ với phía Bắc và phía Nam .

Ở đây, Indravarman II dựng bia nói rõ: Thành phố được chiếu đầy hào quang là Indrapura – Indra là vị thần đứng đầu trong hệ thống các vị thần của giáo được chọn đặt tên cho kinh đô mới. Nhưng đồng thời ta lại thấy tầm quan trọng của Phật giáo Đại thừa được thể hiện khá rõ trong văn bia và trong cả nghệ thuật rồi sau đó đột ngột biến mất ngay chính trong vương triều Đồng Dương .

“Nội dung Phật giáo được thể hiện trong các văn bia: Bia Đồng Dương I (875), Phú, Phan Rang (899), An Thái, Quảng Nam (920), Đại Hữu, Quảng Bình (903-905), Nhan Biểu, Quảng Trị (908 – 911). J. Boisselier (1963) đặc biệt ưu ý đến bia Kon Klor ở Kontum. “Dường như tài liệu cuối cùng của phái Đại Thừa trong nhiều thế kỷ” có niên đại 914 của một Hoàng thân địa phương có miến hiệu là Mahindra – Lokesvara. Ngoài thánh địa Phật viện Đồng Dương ra, còn có ít nhất hai thánh đường Đại Hữu, Quảng Bình mà bia ký cho biết thuộc về vương triều Jaya Shinhavarman, niên đại chính xác ghi trong văn bia là 893-903; thánh đường Mĩ Đức cùng ở Quảng Bình, không có niên đại nhưng cùng một phong cách giống Đại Hữu và Đồng Dương” [2; tr. 54].

“Phật giáo hẳn đã ảnh hưởng mạnh đến văn hóa Champa trong thời kỳ này. Văn bia nói nhiều đến nỗi khổ của con người và sự luân hồi, tới “Niết bàn”, tới “đấng tối cao Lokeshvara- là người kế tục Đức Phật”. Vua Đồng Dương là Indravarman II đã lấy hiệu Phật ước định làm miếu của mình – Paramabuddhaloka. Bia Đồng Dương I còn cho biết, năm 875 Indravarman II đã xây một khu thánh đường. Theo mô tả của H. Parmentier (1901), thánh đường nằm trên một thửa đất dài 1330m theo hướng Tây – Đông. Một vành đai (tường thành) gạch dài 326m. 155m bao quanh một phức hợp đền tháp, gồm một ngôi đền chính, 6 ngôi đền phụ, 1 tịnh xá lớn bất cứ đến tháp Champa nào. Có vẻ đây là nơi đây đặt những pho tượng Phật cao lớn khác thường trong nghệ thuật Champa” [2; tr. 58].

“Trong đó, cần phải kể đến pho tượng “Phật Đồng Dương” nổi tiếng cao 1,80m, đầu tượng rất vừa vặn hài hòa với thân tượng, nhưng đây sự lắp ráp từ hai pho tượng khác nhau. J. Boisselier cho rằng đó là những pho tượng thờ ở đền thờ chính. Ngoài ra còn phải kể đến 18 am thờ không thể là của kiến trúc Hindu giáo. Ian Mabbett và cả J. Bosslier còn nhấn mạnh cả đến những Stambha lớn và nhỏ, hình trụ hay hình chóp vay quanh Grpura “gợi ra một cách kỳ lạ những tháp – Stupa của Trung Quốc và Việt Nam” [5; tr. 20].

Sự khác lạ của đền tháp Đồng Dương, những pho tượng Phật tìm thấy ở đây cùng với những văn bia thấm đượm tinh thần Phật Giáo trong giai đoạn này, đã đưa đến ý nghĩ về Đồng Dương chỉ là một thánh địa Phật Giáo. Và có lẽ cũng vì thế có nhiều người nghĩ đến một “Vương triều Phật Giáo Đồng Dương”. Tất cả những điều đó thể hiện sự phong phú trong quan hệ văn hóa mà Champa tiếp nhận từ thế giới bên ngoài.

Đồng Dương là thánh địa mới của vương triều mới mà Phật Giáo chỉ thịnh ở một vài triều vua đầu. Ngay chính Indravarman II, người có bia Đồng Dương I ngợi ca Laksmindra Lokeshvara, nhưng lại vẫn ngó lòng ngưỡng mộ và tôn trọng Shiva (mặt a, XII-XIII-XIV và mặt b, VII). Còn Shinhavarman, người kế nghiệp Indravarman II hoàn toàn hiến dâng lòng sùng kính đối với Shiva bia Đồng Dương II .

Qua các vương triều: Vương triều Gangaragia, Vương triều Pandurranga, Vương triều Đông Dương chúng ta có thể thấy được sự du nhập và phát triển của Phật giáo ở các vương triều ngày một phát triển hơn. Đặc biệt là ở vương triều Đông Dương sự phát triển thể hiện rõ nhất những tu viện được lập lên, những pho tượng được tạc ngày một nhiều.

1.2. Các giai đoạn phát triển của Phật giáo Champa

1.2.1. Giai đoạn từ thế kỷ III đến thế kỷ VII

Từ khi thành lập nhà nước đầu tiên có thể nói là sơ khai nhất Lâm Ấp (192 SCN) đời sống văn hóa của cộng đồng Champa đã chịu rất nhiều tác động mạnh mẽ của sự đối lưu qua các nền văn hóa bên ngoài lại để phù hợp với nền văn hóa bản địa xưa kia, trong đó chịu sự tác động mạnh nhất văn hóa Ấn Độ - Nam Á là điều tất yếu không thể phủ nhận được. Song song với sự chấp nhận ấy thì ảnh hưởng của Phật giáo là tính quyết định của một hướng chuyển biến tạo nên một thời kỳ văn hóa Champa rực rỡ và rất đặc sắc, giàu hình tượng tôn giáo qua cuộc sống tâm linh, cùng với sự phát triển tột đỉnh của Phật giáo thời gian sau này .

Champa là một vương quốc có đường biển trải dọc theo ven biển có nhiều cảng vì vậy tất nhiên giao thông đường biển rất phát triển cả cảng biển là cửa ngõ không thể có nơi nào thuận lợi hơn là Champa lúc bấy giờ cảng biển là cửa ngõ đón nhận Phật giáo từ các đoàn khách. Phật giáo được du nhập vào Champa từ khi nào và như thế nào? Câu hỏi này đã được nhiều lớp học giả nghiên cứu về đất nước và văn hóa Champa quan tâm tiếp cận, nhiều nhà sử học cũng dành nhiều thời gian để tìm hiểu vấn đề liên quan đến vương quốc Champa. Qua những nguồn sử liệu khác nhau chúng sẽ chứng minh được sự tồn tại và phát triển của Phật giáo Champa .

Trong 128 bia Champa được tìm thấy, có 7 bia Phật giáo liên quan đến Phật giáo Champa, tiêu biểu như: bia Võ Cạnh (Khánh Hòa), bia An Thái (Quảng Nam), bia Đại Hữu và bia động Phong Nha (Quảng Bình), bia Phú Quý(Phan Rang), bia Bakul (Phan Rang), bia Nhan Biểu (Quảng Trị), bia Đông Dương (Quảng Nam). Những bia Phật giáo này phân bố đều trong vương quốc Champa, nhất là vùng Amaravati .

Trong số bia Phật giáo Champa, bia Võ Cạnh (làng Võ Cạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa ngày nay) rất có giá trị . Bia này làm bằng đá hoa cương, niên đại cuối thế kỷ II đầu thế kỷ III. Nội dung bia cho biết thời điểm Phật giáo du nhập vào Champa. Bên cạnh đó, theo L. Finot, nhà vua xây dựng bia thể hiện ý thức về sự bất thường của cuộc đời, lòng trắc ẩn đối với chúng sinh, sự hi sinh của cái của mình cho lợi ích người khác theo tinh thần Phật Pháp .

Theo dẫn chứng nêu trên, Phật giáo có thể truyền vào Champa khoảng thế kỷ I, song song với sự du nhập và nở rộ của văn hóa Ấn Độ vào Nam Á .

Duyên Hải Miền Trung khi ấy vốn có điều kiện thuận lợi về hàng hải với các cửa biển tự nhiên là nơi trú ngụ an toàn của tàu thuyền cùng với sự phát triển phồn thịnh, tính ưu việt của văn hóa Ấn Độ làm biến chuyển văn hóa bản địa tiền Champa, đưa đến một văn hóa kỳ này . George Coedès cho rằng, vào thế kỷ III, Phật giáo là tôn giáo chủ đạo ở quanh khu vực Nha Trang. Như vậy, thời điểm Phật giáo có dấu ấn mạnh mẽ ở Champa trùng với thời gian mà tôn giáo này lên ngôi ở Luy Lâu (Bắc Ninh) .

Hình ảnh bà mẹ xứ sở Po Nagar cho chúng ta điểm mới, là một người giác ngộ hay một Phật tử thuần thành mới có một tư tưởng độc đáo. Không chấp nhận việc người chồng thường xuyên đưa quân lấn các nước lân bang, sau nhiều lần ngăn cản nhưng không hiệu quả bà quyết định đưa hai người con vượt biển về Nha Trang xây dựng nên một triều đại tại đây. Điều đó chứng tỏ, tư tưởng từ bi, khoan dung, tôn trọng sự sống và tự do của các nước lân bang trong bà luôn được đánh thức. Sự đánh thức này thấm đượm tinh thần Phật giáo . Vì thế, bà quyết định bỏ hạnh phúc riêng tư để cảnh tình người chồng. trong bài văn hai dâng vị thần này vào các ngày lễ, đã phát hiện ra “*Bà được sinh ra từ gốc cây Bồ Đề*” [9; tr. 29]. Điều này có nghĩa là, người Chăm quan niệm, bà là hiện thân của sự giác ngộ, một sợi dây vô hình ràng buộc và ám chỉ về tính chất Phật giáo trong con người bà ở câu hát đó .

Như vậy, theo sử liệu và truyền thuyết, Kauthara ngoài là một trung tâm giao thương với các nước láng giềng từ đầu Công nguyên, còn có địa điểm đầu tiên Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang, trở thành một trung tâm Phật

giáo phồn thịnh và ảnh hưởng mạnh mẽ tới các trung tâm Phật giáo Champa nổi tiếng sau này như Indrapura, Amaravati .

Bên cạnh đó từ thế kỷ IV cho đến thế kỷ VII hệ thống các tác phẩm điêu khắc và di tích đã phản ánh sự xuất hiện khá phổ biến của hệ phái Tiểu thừa (Hinayana). Mang nét đặc sắc của giáo lý Phật giáo đậm nét trong hệ phái tiểu thừa .

Nhìn chung, từ thế kỷ III đến thế kỷ VII là thời gian mà Phật giáo du nhập vào Champa với yếu tố bản địa bà mẹ xứ sở Po Nagar là người thấm đẫm tư tưởng Phật giáo có đức tính nhân hậu luôn muốn đất nước hòa bình tránh xa chiến tranh, con người của đức Phật đó chính là biểu hiện của Phật giáo đã được du nhập vào Champa và có biểu hiện rõ nét. Sự kết hợp yếu tố truyền thống và yếu tố Phật giáo mới du nhập vào làm cho cuộc sống của người Champa có sự thay đổi mặc dù thời điểm này chưa thống nhất theo trường phái Phật giáo nào nhưng nhìn chung có thể thấy Phật giáo có những triết lý chung là nhân hậu, không làm điều ác, điều xấu, hành động vì mọi người từ đó.

1.2.2. Sự phát triển từ thế kỷ VII đến thế kỷ X

Từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ X, hệ phái Đại thừa (Mahayana) hoạt động mạnh hơn, Phật giáo phát triển mạnh mẽ, phồn thịnh nhất. Biểu hiện rõ nét nhất đó chính là Phật viện Đông Dương ở Thăng Bình – Quảng Nam dựng vào cuối thế kỷ IX (875) là một “*di tích Phật giáo quan trọng nhất ở Đông Nam Á*” [12; tr. 56] . Thời kì phát triển nhất của Phật giáo ở vương quốc này phải nhắc đến triều đại Indrapura (thế kỷ IX-X).

Được coi là quốc giáo của vương triều Phật giáo được chú trọng phát triển về tín đồ và quy mô tu viện, những bài giảng đạo, những bức tượng Phật được trạm khắc ngày một nhiều. Những ngôi đền, tháp được xây dựng nhiều những pho tượng Phật theo những phong thái khác nhau tạo nên sự đa dạng của Phật giáo lúc bấy giờ.

Qua bia ký.

Phật giáo được xây dựng ở kinh đô Indrapurra một dòng thấm đượm tinh thần Phật giáo như đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu. Khi lên nắm

quyền, đã phát triển các Phật viện trong khắp các vương quốc của mình. Nội dung một tấm bia ghi lại lời nói của vị vua sáng lập ra Phật Viện Đồng Dương như sau: *“Mọi thành quả của ông tạo được ngày hôm nay không phải do sự kế thừa nào cả, mà do phước đức của ông tạo được nhiều đời nhiều kiếp tu tập mới kiến tạo nên”* [6; tr. 17] .

Điều đó cho thấy lòng tin và tính thuần thành của người phụng sự Phật giáo một cách lớn lao. Từ khi thành lập, song tồn tại với kinh đô Indrapura, Phật Viện Đồng Dương chú trọng hoàng pháp và trở thành một trung tâm đào tạo tài năng nổi tiếng. Nền Phật giáo Đại Thừa thực sự được nghiên cứu và truyền bá từ đây. Sử liệu ghi lại việc vua Lê Đại Hành bình Chiêm, đưa về đất nước nhà sư Ấn Độ đang hành đạo tại Champa . Năm 1069, thiền sư Thảo Đường được vua Lê Thánh Tông đưa về Đại Việt khi ông từ Trung Hoa sang Champa hành đạo. Sự kiện sư tổ Trúc Lâm Yên Tử cùng tăng sĩ Đại Việt ghé thăm Phật Viện Đồng Dương và thắng cảnh Champa năm 1301, được ông vua Phật tử tài hoa là Jaya Shinhavarman III (Chế Mân) tiếp đón nồng hậu nói lên tầm vóc quan trọng của trung tâm Phật Viện Đồng Dương đối với Phật giáo các nước trong khu vực. Tầm quan trọng đó khiến Phật viện này tồn tại gần 600 năm bất chấp nhiều cuộc chiến tranh xảy ra .

Lòng tin vào những lời dạy của Phật giáo dẫn đến thời kì này rất ít cuộc chiến tranh diễn ra ở Champa mọi người được sống cuộc sống hòa bình an hòa. Những cuộc ngoại giao với Đại Việt càng làm rõ hơn sự phát triển của Phật giáo lúc ấy .

“Bia An Thái (Quảng Nam) do Hòa Thượng Sthavira Nagapuspa, Viện trưởng Phật viện Pramadia – Lokesvara lập nên (Phật viện này do vua Bhadravarman II xây dựng vào năm 902) có đoạn ca ngợi Avalokitesvara (Bồ Tát Quan Âm) xuất hiện như một đấng đại từ bi cho phép tất cả người phạm tội thoát khỏi Địa Ngục để Vijrapani đưa họ đến với Phật” [16; tr. 35].

“Bia Kon Klor, tạo dựng năm 914, của triều thần Mahidravaman, nói về một cơ sở Phật giáo của ông có tên là Mihindra – Lokesvara. Nội dung bia này cho biết, Phật giáo trở thành quốc giáo của vương triều Indrapura. Phật

giáo thời điểm này là Phật giáo Đại Thừa, với việc thờ Lokeshvara (Bồ Tát)” [16; tr. 37].

Di tích Đại Hữu, Mỹ Đức và Động Phong Nha ở Quảng Bình là những chứng cứ đầy thuyết phục về vai trò và vị trí của Phật giáo Champa trong những thế kỷ đầu công nguyên.

Hai di tích Đại Hữu và di tích Mỹ Đức đã được Trường đại Học Viễn Đông Bắc Cổ khảo sát và đã tổ chức khai quật khảo cổ học từ đầu thế kỷ XX (1925). Số lượng các di tích và di vật quan trọng mà các nhà khoa học bấy giờ đã mô tả và thống kê, cũng exos thể giúp hình dung lại hình ảnh những bức tượng mang ảnh hưởng Phật giáo ở tiểu quốc Champa cực Bắc đương thời .

Di tích, di chỉ Đại Hữu .

“Nhóm tháp gồm 3 đơn nguyên kiến trúc gạch mặt bằng có hình vuông cạnh 3,5 mét. Bia ký ở di tích này đã được thông tin cho chúng ta biết sự hiện diện của một bức tượng Ratna-Lokeshvara bằng bạc quý giá cùng với một địa điểm hành hương Ratnapura” [3; tr. 87].

Tượng Phật Avalokitesvara tượng cao 34 cm với tư thế đứng, đầu đội mũ 3 tầng trang trí hoa văn rất tinh xảo, đeo hai bông tai dài chằm ngang vai, có khuôn mặt phúc hậu, mắt nhìn về cõi xa xăm, trang trí vòng hai bắp tay, 2 cánh tay cầm nụ sen và con ốc, thân hình thon gọn để trần, mặc váy sampot 2 tầng, tượng có niên đại thế kỷ VII.

“Tượng Padmapani (Bồ-tát Liên Hoa) cao 0,97m tạc trên đá sa thạch, là một trong những kiệt tác về nghệ thuật điêu khắc Chăm ” [3; tr. 89].

Di tích Mỹ Đức

Phế tích của 3 ngôi tháp gạch có cùng kích thước với cụm tháp ở Đại Hữu.

Tượng Quán Thế Âm có hình dạng nam nhân tạc trên sa thạch (đang trưng bày tại Bảo tàng Guimet Pháp)

Động Phong Nha.

Đây là một di tích Phật giáo quan trọng đã được phát hiện từ đầu thế kỷ XX qua việc tìm thấy những bệ thờ bằng gạch, nhất là những tượng Phật bằng

đất nung có kích thước rất nhỏ dùng để đeo hoặc mang trong mình có niên đại thế kỷ XIX - X.

“Theo C.Paris, ở Động Phong Nha có 97 bia Champa. Vì dạng chữ bất thường và việc dịch thời đó không ghi được chính xác, nên các bia Champa ở Phong Nha vẫn chưa dịch được một số từ cho thấy rõ tính chất Phật giáo. Rất tiếc, hiện vật vật chất không còn, bia ký thì không đọc được, cho nên khó xác định được niên đại của những bệ thờ, tượng thờ và bia Phật giáo Champa ở động Phong Nha. Nhưng trước thế kỷ VIII, ảnh hưởng nghệ thuật Ấn Độ (phong cách Gupta và phong cách Amaravati) còn rất đậm trong điêu khắc Chăm. Chùa hang Phong Nha cùng di vật ở đó là những bằng chứng vật chất về sự có mặt rất sớm của Phật giáo vùng cực bắc của vương quốc Champa” [4; tr. 24].

Đến thế kỷ X, tôn giáo chủ đạo ở vùng phía bắc Champa vẫn là Phật giáo. Một trong những bằng chứng cụ thể là bia Ròn (khoảng thế kỷ IX hoặc thế kỷ X). Bài minh văn khắc trên một tảng đá nằm ở cách đồng Bắc Hạ nói về việc cúng tiến cho một tự viện : *“Tôn kính thần Sri Damaresvara. Những cánh đồng Til-vit, Tradvad... -Tất cả những khu đất này là do vị anh hùng mạnh Sri.. dâng cúng cho tu viện... Ngài là người có... là người đã hủy diệt...”* [1; tr. 52].

Như vậy, nhiều cơ sở Phật giáo được người dân hoặc quan lại Chăm có tiền xây dựng chứ không cần vào ngân sách của nhà nước. Phần lớn những tu viện, những pho tượng đều được xây dựng từ những người dân. Họ đã tin theo Phật giáo thì mới có thể xây dựng và phát triển Phật giáo nên việc họ dùng tiền của mình để xây dựng, tu sửa những ngôi đền thờ Phật là điều dễ hiểu .

Nội dung các bia tìm thấy ở Phúc Quý (Phan Rang) cho biết: *“Năm 889, Daramesvaravarman cho xây dựng tự viện để giành cho vợ của một vị lãnh chúa ở Đông Dương là Rajaka, người đã quyên cúng cho tu viện. Tác giả bia Bakul (Phan Rang) có niên đại 829, tự nhận là Sthavira Buddhanirvana, con một vị thượng thư đòi vua Vikratavarman III, đã xây dựng lại hai tự viện, hai ngôi đền thờ Phật và thần Shiva”* [7; tr. 25]. Như

vậy, Phật giáo ảnh hưởng sâu sắc đến xứ Panduranga, mà Ninh Thuận có thể là trung tâm lớn thứ hai sau Nha Trang. Triết lý Phật giáo đã thấm đượm vào người dân Champa thời kỳ đầu và phát triển một cách rực rỡ từ thế kỷ III.

Bia Nhan Biểu (Quảng Trị) có niên đại 911, nói về sự kính trọng Siva và Lokesvara. Đặc biệt, nội dung bia Đồng Dương là lệnh của vị vua đầu tiên trong vương triều Indrapurra . Năm 875, nhà vua cho xây dựng một ngôi đền và ngôi chùa, chứng tỏ ông tôn sùng cả Phật giáo. Đồng thời, bài minh văn này còn đề cập đến một chi tiết quan trọng về dấu ấn Phật giáo : “*Vua Sry Jaya Indravarman Maharajadhiraja, người trở thành vua Champa nhờ kết quả của những công trạng riêng tích tụ lại được từ những việc tu hành khổ hạnh theo đức Phật của nhiều kiếp trước...*” [5; tr. 45]. Vai trò to lớn của tôn giáo đặc biệt là Phật giáo để cho những người dân ở Champa tin theo về một ông vua đức hạnh có những công trạng sẽ làm cho đất nước phát triển .

Những sử liệu nêu trên cho thấy, Phật giáo có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị xã hội của vương quốc Champa lúc bấy giờ . Phật giáo thời kỳ này là Phật giáo Đại thừa với hình tượng Bồ tát (Lokesvara) được nhắc thường xuyên ở bia ký và sự kiện Thiền sư Thảo Đường hành đạo ở Champa .

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Champa không có Phật giáo Nguyên thủy. Bên cạnh đó, nội dung bi ký còn phản ánh việc Phật giáo và Bà La Môn giáo được tôn sùng như nhau nhằm củng cố quyền lực của nhà vua. Điều này thể hiện năng lực tiếp nhận của văn hóa Champa cũng như sự dung hợp tôn giáo .

Trên vùng đất phía cực Bắc vương quốc Chăm, còn một số di tích khác như Lạc Sơn, Kẽ Nai, Kẽ Đôi, Đồng Chùa, Chùa Hang, Ròn...đều để lại nhiều hiện vật như tượng Phật, Bồ-tát, văn bia...góp phần làm sáng tỏ vị trí quan trọng của Phật giáo ở vùng đất này .

Qua di tích, di vật.

Để làm rõ thêm việc hình thành Phật giáo Champa, chúng ta đi tìm qua các di tích khảo cổ liên quan đến Phật giáo, hầu hết dải khắp đất nước là những bức tượng với số lượng và kích cỡ khác nhau, nhưng đặc biệt

phải chú ý nhất là ba địa điểm ở Hưng Ân (Bình Thuận), núi Địa Điểm và Bình Định.

Thánh địa Phật giáo Đông Dương ở Quảng Nam khẳng định vai trò to lớn của Phật giáo vào thời kỳ này, hàng loạt những di tích, di chỉ đồng đại với nó trải dài từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Bình và sang đến phía Nam lan tận tới Quảng Nam điều đó tự nói lên điều đó. Phật giáo du nhập vào Champa, các vương quốc Champa thuộc phái thờ Civa .

tìm được có tượng được coi là mang phong cách Ấn Độ, có tượng thì lại có vẻ đẹp chịu ảnh hưởng Trung Quốc”. Các di vật, nhất là tượng Phật, tượng Bồ Tát cho thấy Phật giáo Chăm hưng thịnh liên tục về các thế kỷ sau đó. Ngoài di vật, có thể kể đến việc ghi chép chữ trong hang động được người Chăm sử dụng thờ Phật. Tượng Phật, bia Phật, hang động thờ Phật đã tạo nên diện mạo Phật giáo Champa hơn mười thế kỷ .

“Theo công bố của L. Finot ở Đông Dương hiện có bảy hiện vật Phật giáo (trên tổng số 229 hiện vật), trong đó có ba tượng Phật rất lớn” [18; tr. 134].

Hai trung tâm Phật giáo lớn nhất lãnh thổ Việt Nam là Luy Lâu (nay thuộc Bắc Ninh) và khu vực thuộc Nha Trang tương đồng về thời gian phát triển hưng thịnh có Phật Viện Đồng Dương .

Trong sự phát triển của Phật giáo không thể không kể đến thiền viện Đồng Dương vào loại lớn nhất Đông Nam Á trong triều đại Indrapura. Năm 875, một trung tâm Phật giáo lớn được hình thành còn lưu di tích đến ngày nay là Phật viện Đồng Dương. Phật viện Đồng Dương là một biểu tượng của Phật giáo Champa, cũng là một trung tâm Phật giáo Đại thừa quan trọng ở Đông Nam Á vào các thế kỷ IX đến thế kỷ X. Quốc vương Indravarman II đã cho xây cất một trung tâm Phật giáo lớn tại Indrapura tức Đồng Dương. Đó là một tổng thể kiến trúc đồ sộ có vòng thành chu vi 2 km, Phật viện mang tên Laksmindru _ Lokesvara (875), vốn là một vị thần bảo hộ nhà vua bấy giờ.

Đó là quần thể của nhiều ngôi đền thờ Lakshmindru - Lokesvara mà di tích còn lại tới nay trong cảnh hoang tàn đổ nát. *“Những pho tượng Phật hiện còn*

trưng bày tại viện bảo tàng Chăm tại Đà Nẵng đã chứng minh đạo Phật có thời kỳ thịnh hành ở Champa khoảng từ thế kỷ IX đến thế kỷ XI. Nghệ thuật điêu khắc kiến trúc mang nhiều ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ nhưng đồng thời được bản địa hóa, sự thăng hoa này đã tạo nên một phong cách nghệ thuật Đông Dương vừa siêu thoát vừa sinh động và gần gũi với cuộc sống con người” [5; tr. 47]. Quanh các đền thờ có các loại văn bia trang trí khác nhau: có loại văn bia xoắn xít ngoằn ngoèo như hình con sâu với ý nghĩa nói lên niềm tin tuyệt đối của người dân Champa vào đấng tối thượng và luôn sẵn sàng phò trợ vương quyền của vua Champa trong thời hoàng kim.

Có không gian mở đó, người Chăm diễn tả tích Phật một cách thoáng đạt hơn. “Đây là biểu hiện bản lĩnh sáng tạo của các nghệ sĩ điêu khắc trong sự thay đổi bố cục, cách tân hình thức bằng cơ vượt trội của nghệ thuật điêu khắc Phật giáo cùng thời thường thấy ở nhiều nước Đông Nam Á. Rất tiếc quần thể di tích Đông Dương đã bị bom đạn và thiên tai hủy hoại nghiêm trọng, cho đến ngày nay vẫn chưa đủ điều kiện vật chất để trùng tu, tôn tạo lại phần nào vẻ đẹp vốn có của nó” [17; tr. 67].

Phật viện Đông Dương “*Indrapura*” dùng đặt tên cho cả một phong cách nghệ thuật Champa ở một giai đoạn nhất định. Các hiện vật điêu khắc và trang trí Đông Dương phong phú và đa dạng: tượng Phật, tượng Bồ Tát, tượng Môn thần (Dvarapala)... Ngoài ra, “còn những phù điêu tuyệt đẹp trang trí kiểu kỳ hà học. Chất liệu bằng đá, bằng đồng, bằng đất nung bền chặt. Trong nền điêu khắc Champa, các nghệ phẩm thuộc phong cách Đông Dương có những sắc thái đặc biệt: cung mày nối liền nhau nối gờ lên và lượn sóng, môi dày có viền, mũi rộng và tẹt...” [20; tr. 56].

“Hệ thống nền gạch của một khu tầng xá, giảng đường nối nhau trên một chu vi rộng lớn, nhưng viên ngói dùng lợp cho các khu xây dựng cũng được rải rác xung quanh của một Phật viện cho phép ta liên tưởng đến một cấu trúc xây dựng bao gồm phần chánh điện dùng nơi thờ tự lễ bái, khu tầng xá lưu trú cho các chu tầng tu học và giảng đường dùng làm nơi diễn giảng có thể nói đây là một mô hình Phật viện khép kín” [5; tr. 97].

Cho đến nay Phật Viện Đồng Dương tuy đã mất đi hoàn toàn không còn nhiều hiện vật để chúng ta chiêm ngưỡng và hơn nữa là nghiên cứu về một thời văn hóa Champa . Phật Viện Đồng Dương bị phá hủy do nhiều nguyên nhân có thể do thời gian, thiên nhiên và bàn tay con người nhất là giai đoạn gây hấn chiến tranh của Mỹ ngay cùng những trận bom đạn đã oanh tạc nơi đây không thương tiếc và giờ đây Phật Viện Đồng Dương chỉ còn lại những di tích hiếm hoi nay lại nay lại rơi vào trạng thái hoang tàn thực sự : *“Đến năm 972 khám phá ra được một vị vua mới của triều đình a đầu tiên gây với các nước láng giềng Việt Nam ở phía Bắc lúc đó trở thành Indravarman mà sử Trung Quốc và Việt Nam gọi là Ba Mỹ Thuế. Đây là vị vua Champh một tiểu quốc hùng mạnh đi xâm chiếm các vương quốc khác và khi đi tới đâu văn hóa ở đất nước đó cũng bị phá hủy theo do những cuộc chiến tranh giành lấy lãnh thổ và hủy hoại nền văn hóa”*[6; tr. 67].

Tuy vậy, phong cách Đồng Dương rồi đến Phật Viện Đồng Dương trên đất bản địa đều có thể gây ấn tượng với người nhìn đó là những nét đẹp sống động mạnh mẽ táo bạo . Thông qua những cổ vật còn lại đã phản ánh được thời đại cực thịnh của một vương quyền khẳng định bằng sức mạnh của chính mình, đồng thời đưa nghệ thuật điêu khắc bằng scuwms mạnh đạt đến đỉnh cao . Dưới góc độ của tôn giáo, Đồng Dương đã góp phần sâu sắc hơn nghệ thuật Phật giáo của nhân loại nói chung và Champa nói riêng trong những mẫu mực trong cách pho diễn, trong ý nghĩa tượng thờ, phù điêu, bố cục và cũng thuộc loại hiếm hoi trong số di tích Phật giáo cổ xưa còn lại tới hôm nay ở Việt Nam và Đông Nam Á .

Phật Viện Đồng Dương trong thực tế là một trung tâm Phật giáo quốc tế. Phật giáo Chăm đã thu hút được Sư tổ Trúc Lâm Yên Tử đến vân du vào năm được ghi là 1301. Tuy không còn kiến trúc, nhưng di vật tượng Phật, bệ thờ, nền móng cho thấy trung tâm Phật giáo Đại Thừa này tạo thành một đỉnh cao hưng thịnh mới cho Phật giáo Chăm.

Năm 1960, tại di tích này các nhà khoa học phát hiện thêm mười hiện vật, trong đó có năm tượng thân giữ cửa (Dharmapala). Theo Henri Parmentier, toàn bộ kiến trúc Đồng Dương kéo dài hơn 1.330m. Khu vực Phật điện là một vành đai hình chữ nhật dài 326m, rộng 155m với hệ

thống tường thành bao bọc kiên cố xung quanh. Từ Phật điện mở ra một con đường dài 763m dẫn vào một thung lũng hình chữ nhật có diện tích 1.080 m². Phần nơi thờ chính được bảo lưu khá nguyên vẹn cùng các bức tượng bằng đá và bằng đồng phát hiện quanh đó. Ngày nay, khu di tích Đồng Dương gồm 30 kiến trúc bị hư hại hoàn toàn, chỉ còn lại nền móng cùng các tượng đá và bàn thờ Phật trưng bày trong Bảo tàng Điều khắc Chăm (Quảng Nam). Phật viện này cho thấy vai trò to lớn cũng như quy mô phát triển mạnh mẽ của Phật giáo Champa đương thời [5; tr. 89].

Một số bức tượng Phật tiêu biểu mang phong cách Đồng Dương

“Tượng cao 1.08 mét (không kể đế). Tượng ở tư thế đứng, trên trán có dấu Urna . Trang phục là loại áo choàng cà sa, để hở vai bên phải trong tư thế đứng trên tòa sen, tóc hình búp ốc, tai dài gần đến vai, đôi mắt mở, khuôn mặt thon và đầy đặn” [18; tr. 78]. Tượng mang phong cách Amaravati hay kiểu Tích Lan (Anuràdhapura) đây là một trong hai tượng Phật bằng đồng có kích thước lớn đã được tìm thấy (tượng kia là Avalokitesvara phát hiện năm 1978 cũng tại Đồng Dương, cao 1,4 mét hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Đà Nẵng) .

Từ trước đến nay từng có những ý kiến khác nhau về nguồn gốc và Niên đại của bức tượng Đồng Dương. Có ý kiến cho rằng có nguồn gốc bản địa từ đất nước Champa hùng mạnh về Phật giáo. Những người nghệ nhân đã thể hiện Lokeshvara với ý nghĩa thuần túy bằng trực giác, những biểu trưng của Phật giáo cho phù hợp với ước vọng và niềm tin của xã hội Champa xưa.

“Tượng Đồng Dương phần thân tượng mang hoàn toàn phong cách Amaravati, nhưng đế là tòa sen hình khối tròn có hai tầng, phần trên nhỏ, phần dưới lớn gần giống như đế của những tượng đồng khác. Nếu chỉ nhìn riêng phần thân tượng và chỉ dựa vào phong cách thể hiện, người ta có thể định cho nó thuộc thế kỷ III. Nhưng phần đế của tượng được đúc liền, àm phần này lại mang dấu ấn và phong cách thể hiện của tượng Champa thuộc về giai đoạn muộn. Hơn nữa, không thể định đoạt được niên đại thuộc thế kỷ III vì thế kỷ III Phật giáo chưa phát triển thịnh đạt ở Champa và phải mãi đến thế kỷ IX mới phát triển hưng thịnh, đó là thời kỳ thuộc triều đại Indrapura II,

có niên đại ở thế kỷ IX gọi là vương triều Đông Dương hay vương triều Phật giáo” [16; tr. 105].

Người Champa xem Lokeshvara là hình thức thể hiện sự kết hợp giữa Siva (Bàlamôn giáo) và Avalokitesvara (Phật giáo) với hình tượng nam nhân, được thờ phổ biến nhất tại vùng Indrapura (Đông Dương – Quảng Nam), nơi đây tìm thấy nhiều tượng Lokeshvara bằng kim loại (đồng, vàng, mạ vàng hoặc bạc) đa số được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Bảo tàng Chăm Đà Nẵng. *“Lokeshvara được thể hiện trong tư thế đứng hoặc ngồi, ngực nở eo thon, mang nhiều trang sức ở tai, cổ, bắp tay, cổ tay, cổ chân... khuôn mặt đầy đặn. Đôi mắt mở, tóc búi cao có miện chạm Avalokitesvara. Tượng thường có hai tay, cầm hoa sen, chuỗi hạt hoặc bình nước cam lồ” [22; tr. 93].*

Tượng đứng trên bệ tròn bị mất đầu và bàn tay phải, bàn tay trái cầm một bình nước. Trang phục là *“Sampot”*, phần cuối xếp thành vài nếp gấp hình túi ở phía bên đùi phải. Thất lưng là dải vải dài to bản được thắt lại ở phía trước bụng, buông xuống tạo thành vạt dài đến sát chân. *“Sampot”* loại trang phục này tương tự như loại trang phục thường thấy ở các tượng Sumatra và tiền Angko.

Những năm gần đây, một số tượng Bồ tát, tượng Phật được phát hiện và bảo quản ở các chùa thuộc huyện An Nhơn và thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Chùa Giác Hoàng (huyện An Nhơn) hiện lưu giữ một bức phù điêu lá đề tạc hình Bồ tát ngồi bán già, niên đại các thế kỷ XII - XIV. Chùa Hàm Long (thị trấn Tuy Phước) đang lưu giữ một cột đá hình rắn xòe tán che cho Đức Phật, niên đại khoảng thế kỷ XII. Chùa Phước Sa (thành phố Quy Nhơn) hiện lưu giữ hai pho tượng Phật bằng đồng, trong đó một pho là tượng Bồ tát Quán Thế Âm, niên đại các thế kỷ IX - X.

Bảo tàng Tổng hợp Bình Định đang lưu giữ sáu tiêu bản điêu khắc Phật giáo Champa Bình Định: Một tượng đất nung và năm phù điêu sa thạch đều có kích thước nhỏ. Những tác phẩm Phật giáo Champa Bình Định cho thấy, ngoài sự ảnh hưởng của nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ, còn có ảnh hưởng rất lớn của Phật giáo Campuchia thuộc phong cách nghệ thuật tiền Angkor.

Mặt khác, những phát hiện điêu khắc Phật giáo Champa ở Bình Định góp phần chứng minh, Phật giáo chiếm vai trò quan trọng trong một thời kỳ dài ở cộng đồng người Chăm. Nói cách khác, Phật giáo từng hưng thịnh một thời kỳ dài ở vương quốc Champa.

Tượng Avalokitesvara (thế kỷ VIII-IX, Thủy Cam – Thừa Thiên Huế và Phan Thiết – Bình Thuận).

“Tượng Phật Avalokitesvara ở Đại Hữu (Quảng Bình), cao 0,34m, tư thế đứng, niên đại thế kỷ VII. Tượng Phật ngồi thiền, cao 0,15m, với nét đặc trưng của tượng Phật Ấn Độ, phong cách Amaravati (các thế kỷ II - IX). Tại Lạc Sơn (huyện Tuyên Hòa) có những hang động được người Chăm biến thành nơi thờ Phật. Tại Quảng Khuê phát hiện được một đầu tượng Bồ tát (Bodhisattva) chịu ảnh hưởng sâu sắc của nghệ thuật Trung Quốc, niên đại khoảng các thế kỷ IV – V” [12; tr. 45].

Ngoài ra, có tượng Bồ tát Quán Thế Âm nguồn gốc Mỹ Đức, thể hiện trong tư thế đứng, đội mũ chóp nhiều tầng thu nhỏ dần lên cao, gương mặt phúc hậu, một tay cầm hoa sen, một tay cầm bình cam lồ, cổ đeo vòng trang sức, cánh tay đeo vòng tay, y phục là kiểu sampot¹⁶. Mới đây phát hiện thêm dấu chân Phật không lồ ở biển Sa Kỳ (Quảng Ngãi), kích thước từ 0,3m đến 3m, rộng từ 0,15m đến 0,9m.

Tượng Phật “Usnisa” (thế kỷ VII-IX, Phan Thiết – Bình Thuận).

Trên đầu đội loại mũ “Usnisa” hình chóp. Trang phục trên mình là loại áo “Uttaràsanga” bó sát mình – thể hiện cảm giác khóa thân vô tính. Cái “AntaravàSaka” (váy trong) hẹp, bó sát vào thân, dài hơn Uttaràsanga. Phật đang bắt ấn theo thế An ủy ấn (Vita ka-mudra): ngón tay cái chạm vào ngón tay trỏ cong xuống tạo thành vòng tròn, tượng trưng cho pháp luân của Phật giáo. Thế tay này cũng là biểu tượng của Phật pháp toàn thiện và vĩnh cửu.

Tượng Phật “Uttaràsanga” (thế kỷ VII-IX, Phan Thiết – Bình Thuận).

Tượng Phật mặc “Uttaràsanga”, trùm lên hai vai không có dấu xếp li, vạt trước bầu, vạt sau thẳng. Tóc được búi thành nhiều lọn xoắn nhỏ và đội mũ “Mudra”, các ngón tay duỗi thẳng theo thế vô úy ấn biểu tượng sự vô úy

(không sợ) và ban sự cứu độ cho chúng sinh. Hai tượng Phật trên, biểu hiện mối liên hệ với phong cách Dvaravati khá đậm nét.

Bên cạnh đó, một hiện vật quan trọng khác thể hiện sự hiện diện của Phật giáo ở Champa là các tượng Phật. Trong bộ sưu tập tượng đồng Chăm của Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh các thế kỷ VII - X có một tượng đồng bốn tay cao 0,64m tìm được ở Bình Định.

Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni cao 1,22m là pho tượng nổi tiếng nhất của vương triều Đồng Dương, niên đại thế kỷ III, tạc theo tư thế đứng thuyết pháp gốc từ Sanath (Lộc Uyển). Tượng được nghệ nhân khắc họa với khuôn mặt phúc hậu, đôi mắt sáng đang nhìn vào cõi xa xăm, muốn giải thoát con người khỏi dục vọng trần thế, với một tay trong dáng điệu bắt ấn, một tay cầm cà sa phủ kín một vai, đôi chân đứng trên bệ sen 15. Năm 1978, nhân dân địa phương đào được pho tượng Laskmindra - Lokeshvara bằng đồng thau, cao 1,14m, ở gần khu đền thờ chính. *“Tượng được tạc tác trong tư thế đứng thẳng, hai cánh tay để dọc theo thân, hai bàn tay cầm hai đóa sen đưa về phía trước, thân trên để trần, lộ ra bộ ngực lớn và tròn; thân dưới mặc một sarong dài chấm mắt cá chân, tấm choàng ngoài sarong xếp nếp hình luống cày, cuộn vào trong để lật một múi ra ngoài. Gương mặt tượng mang đậm phong cách Đồng Dương; hai hàng lông mày rậm và giao nhau, cánh mũi to, môi dày; giữa trán có con mắt thứ ba hình thoi, có lẽ được khảm bằng một hạt ngọc (đã bị mất từ lâu); mái tóc được búi cao hình chóp, phía trên có hình Phật A Di Đà”* [23; tr. 36].

Pho tượng này không những là tượng đồng lớn nhất trong nghệ thuật Champa, mà còn là một trong những tượng đồng Tara quan trọng nhất ở vùng Đông Nam Á, theo quan điểm của J. Boisselier. Tượng Phật ở Đồng Dương cũng như tượng cùng cách kiểu tìm thấy ở Đông Nam Á như tượng Phật Kô Rạt (Thái Lan), tượng Phật Sikendung (Indonesia), tượng Phật Jember (Indonesia), tượng Phật Angkor Borei (Campuchia),... đều mang phong cách tượng Phật Amaravati của Ấn Độ. Một số ý kiến cho rằng, tượng Phật ở Đồng Dương giống tượng Phật của Amaradhapura (Sri Lanka). Trên cơ sở đó, họ đưa ra giả định tượng Phật ở Đồng Dương có niên đại khoảng thế

kỷ III - IV và được nhập trực tiếp từ Ấn Độ hay Sri Lanka. Đây là bằng chứng về sự ảnh hưởng của Phật giáo Amaravati ở Ấn Độ đối với tôn giáo Champa nói chung và vùng Đồng Dương nói riêng.

Quá trình phát triển của nghệ thuật tiểu tượng Champa và sự tồn tại và phát triển của nó gắn liền với bối cảnh lịch sử, từ đó tạo nên những đặc trưng độc đáo của thời kỳ Đồng Dương hay “*Vương triều Phật giáo*”. Phật viện Đồng Dương là nơi sản sinh ra những bức tượng đồng tuyệt tác của khu vực Đông Nam Á nói chung và văn minh Champa nói riêng. Những đặc trưng đó thể hiện đời sống sinh hoạt, tôn giáo, phong tục, tín ngưỡng của người Chăm trong từng bức tượng, từng khuôn đúc dần dần được các nhà khoa học giải mã và ngày càng làm sáng tỏ hơn về một vương triều của một giai đoạn lịch sử.

Đồng thời, chúng ta thấy được sự phát triển của Phật giáo Champa trong giai đoạn này với rất nhiều bức tượng rải đi khắp các vùng miền. Một tu viện mới được xây dựng ở một vùng đất mới làm thay đổi diện mạo Phật giáo trước đây cũng như lan tỏa đến được người dân Champa đi theo Phật giáo.

Từ những phát hiện trên, chúng ta có thể nói rằng Phật giáo ở Champa đã từng có mặt đa dạng từ Nguyên thủy đến Phật giáo Đại thừa và kể cả *Mật tông* và *tư tưởng Kim Cương thừa/Vajrayana* từng được truyền bá tại vương quốc này mà *bia An Thái (Quảng Nam)*, có niên đại đầu thế kỷ X [24; tr. 17]. Sự phát triển đó có thể khẳng định Champa là đất nước có một tâm thế hướng ngoại có thể du nhập những văn hóa mới nhưng không vì thế mà mất đi vẻ đẹp truyền thống của mình.

1.2.3. Sự tiêu vong Phật giáo ở Champa

Sau một thời kỳ dài hưng thịnh, Phật giáo Champa dần bị tiêu vong ở thế kỷ X. Sự tiêu vong của Phật giáo Champa có thể do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

Về nguyên nhân chủ quan:

Đầu tiên, “nhà nước Champa được tổ chức theo thể chế liên bang, mà nhiều nhà khoa học gọi là Mandala, chứ không trung ương tập quyền như Đại Việt hay Trung Hoa. Vì vậy, sự thay đổi vị trí của các tiểu vương trong việc nắm quyền lãnh đạo vương quốc Champa dẫn đến tư tưởng có thể thay

đôi. Điều này thể hiện cụ thể trong lịch sử vương quốc. Nếu như thời kỳ Indrapura, Phật giáo chiếm được vị trí chủ đạo trong đời sống chính trị xã hội, thì thời kỳ này Vijaya, tôn giáo nay mất dần ảnh hưởng và đi đến tiêu vong”[15; tr. 54-55].

Thứ hai, Cộng đồng xã hội người Chăm bị chi phối rất lớn bởi tôn giáo. Điều kiện này đã góp phần dẫn đến việc Phật giáo dần dần mất vai trò và chấm dứt sự tồn tại của mình ở đất nước Champa. Người dân có thể theo nhiều loại khác nhau như: Phật giáo, Bà La Môn giáo hoặc Islam giáo .

Thứ ba, Vai trò to lớn như Bà La Môn giáo trong việc củng cố sự thống trị của vương quyền và thần quyền đã làm mất vai trò Phật giáo Champa. Bà La Môn giáo chủ trương phân chia đẳng cấp nhằm duy trì sự ổn định xã hội, trong khi đó Phật giáo muốn hòa hảo không chia rẽ đẳng cấp nên xảy ra sự mâu thuẫn giữa hai tôn giáo này .

Sự mâu thuẫn làm cho hai tôn giáo không thể chung sống hòa bình, nhà nước không còn ủng hộ Phật giáo và dẫn đến sự tiêu vong của Phật giáo.

Về nguyên nhân khách quan

Các cuộc chiến tranh với Đại Việt góp phần làm mất dần vai trò Phật giáo Champa. Champa và Đại Việt trong lịch sử đã nhiều lần xung đột với nhau, làm vương triều Indrapurra bị xóa sổ, dẫn đến việc Phật giáo Champa không còn chiếm địa vị thống trị nữa. Bên cạnh đó, sự xâm nhập của Islam giáo làm cho trung tâm Phật giáo lớn ở Đông Nam Á là Indonesia sụp đổ. Phật giáo Champa cũng nằm trong xu hướng nêu trên. Việc tiêu vong của Phật giáo Champa còn do sự chấn hưng Bà La Môn giáo ở Ấn Độ và sự tác động mạnh mẽ của tôn giáo này đến Champa .

Ngoài ra, Phật giáo đưa con người Champa với những triết lý cao siêu, phong cách nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo độc đáo, nhưng cũng làm tăng thêm tính bảo thủ, thụ động và an phận vốn có ở tộc người này. Đây là một trong những nguyên nhân góp phần làm cho vương quốc Champa dần suy thoái, Phật giáo ở vương quốc này cũng dần tiêu vong.

Thêm nữa, người Chăm có sự nhạy bén trong tiếp nhận văn hóa ngược lại, bởi họ là cư dân biển, thương nghiệp phát triển hướng ra biển hòa nhập

với những nước xung quanh. Nền văn hóa Chăm mang tính động như vậy cho nên năng lực tiếp nhận rất lớn và dễ thay đổi. Người dân không muốn gò bó trong khuôn phép của bất cứ một tôn giáo họ cảm thấy không tự do, thoải mái nên từ đó Phật giáo ít dần trong dân chúng

Từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan trên có thể thấy Phật giáo phát triển đến thế kỉ X đã dần dần suy yếu. Triều đình cai trị đã không còn ưu tiên Phật giáo như trước những cuộc chiến tranh làm ảnh hưởng niềm tin vào Phật giáo. Người dân cũng cảm thấy khó theo được với những triết lý của Phật giáo nên từ đó Phật giáo suy yếu và mất vai trò của mình.

Tiểu kết chương 1

Phật giáo từng đóng vai trò quan trọng trong đời sống người Chăm, tồn tại và phát triển song song với Bà La Môn giáo từ đầu Công Nguyên đến thế kỷ IX hoặc hơn nữa là thế kỷ X. Phật giáo tạo ra sự cân bằng giữa thế giới con người và thế giới thiên nhiên, mang tới một chiều sâu tinh thần cho con người. Vì vậy, Phật giáo góp phần làm nên văn hóa Chăm phát triển rực rỡ.

Sự phát triển của Phật giáo ở Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X lúc phát triển mạnh lúc thẳm trầm với được lưu giữ lại trong các sư liệu, di tích, di vật, phát hiện khảo cổ học và còn lưu giữ được đến ngày này. Đặc biệt phải nhắc đến “*Phật Viện Đồng Dương là một trung tâm Phật giáo*” là trung tâm phát triển nổi bật lên những tượng Phật, lời dẫn dạy còn được lưu lại.

Phật giáo vào đến đất nước Champa càng làm tô đậm nên vẻ đẹp trong cách ngoại giao với những nước trong khu vực nâng cao hơn vị thế của đất nước đó là một đất nước ổn định hòa bình và phát triển rất nhiều những người sùng đạo đã đến Champa để được học hỏi, tu dưỡng ở trong Phật Viện Đồng Dương và người dân không ngại bỏ kinh phí để xây dựng và phát triển những tu viện, đền, tháp Phật giáo trong tư tưởng kính trọng Phật giáo.

Sau nhiều biến cố của lịch sử, Phật giáo Champa dần tiêu vong, nhưng không có nghĩa là không còn dấu vết của Phật giáo Champa trong quá khứ thông qua tượng Phật, tượng Bồ Tát, di tích Phật giáo, tài liệu thành văn, sử liệu bia ký,... Đặc biệt, Phật giáo Champa để lại một di sản văn hóa quốc gia đó là tượng Phật Đồng Dương.

Chương 2

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐẾN CHAMPA

2.1. Ảnh hưởng đến xã hội

Ca dao Tục ngữ vùng Quảng Nam Đà Nẵng

Phật giáo tuy thời gian tồn tại và phát triển ở Champa trong gần mười thế kỷ thế nhưng Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân Champa với những triết lý về cuộc sống. Những ảnh hưởng của Phật giáo Champa ảnh hưởng còn lưu đến cả ngày nay đặc biệt là trong những câu ca dao tục ngữ vùng Quảng Nam Đà Nẵng.

Khi nói đến ca dao tục ngữ, giáo sư Cao Huy Thuần nhận xét rằng: *“Ca dao Tục ngữ là gia tài văn hóa của dân tộc. Chúng ta thừa hưởng gia tài đó từ quần chúng, vì quần chúng vừa là người sáng tạo, vừa là người lưu giữ bằng cách truyền miệng từ đời này qua đời khác, một lời thốt ra rồi đồng thanh tương ứng như thử đó là sự thật của chính lòng mình, như chính mình thốt ra”* [24; tr. 90].

Người xưa cũng hiểu qua giáo lý Phật giáo, đức Phật thường khuyên con người hãy tinh tấn lên, cho dù kiếp này ta có được hưởng giàu sang phú quý là do kiếp trước ta gieo những hạt giống tốt nên đời nay ta hái những quả ngọt như vậy, nếu ta không biết tạo thêm những hạt giống tốt khác thì dù phước đời trước ta có nhiều bao nhiêu đến khi hết thì ta cũng phải chịu cảnh cơ hàn. Tinh thần đoàn kết tương thân tương ái của người dân xứ Quảng, đồng sức đồng lòng mới chiến thắng được kẻ thù hòa hợp thì không ai có thể xen vào để chia rẽ, phá phách. Vậy nên trong giáo lý đạo Phật có pháp lục hòa khiến mọi người đều có pháp lạc trong cuộc sống .

Ta thấy được chư tổ dạy phải biết nghe những điều nên nghe và tránh những điều không đáng nghe để mỗi ngày ta nuôi lớn những điều tốt ở trong ta, làm cho nó lớn dần thêm nữa và từ đó sẽ không có chỗ cho những gì xấu, dơ chiếm chỗ trong tâm mình. Trong Quy Sơn Cảnh Sách có dạy rằng: *“Thân cận thiện hữu, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận”* [13; tr. 87]. Và ca dao cũng đã có câu *“Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”* [13; tr. 87]. Tất cả những câu Ca dao Việt Nam nói chung và của Quảng Nam nói

riêng đều khuyên con người những đạo lý sống làm sao để tốt đạo đẹp đời. Từ đây, ta có thể nhận định rằng đức tính cần cù trong lao động sẵn có, với tính thông minh sáng tạo trong cuộc sống thì ở con người xứ Quảng này dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, điều nhân nghĩa, lễ phép cũng được tôn trọng triệt để .

Quảng Nam là đất quê mình
Núi non sông biển rành rành từ lâu
Thương yêu đùm bọc trước sau
Cùng chung đại Việt chung nhau cơ đồ
Tây sơn giáp ngọc dựng cờ
Nhân dân đoàn kết cõi bờ đắp xây
(Ca dao Quảng Nam – Đà Nẵng).

Như vậy, đạo Phật trong hơn hai ngàn năm nay đã chan hòa đời sống của mình trong đời sống của dân tộc nói chung, của người dân xứ Quảng nói riêng, đã vui cái vui của dân tộc, đã buồn cái buồn của dân tộc, và đạo Phật cũng đã chi phối tất cả mọi sinh hoạt của con người xứ Quảng từ triết lý đạo đức, kiến trúc, hội họa, âm nhạc, văn chương, tình cảm, nếp sống được thấy rõ trong những bài ca dao tục ngữ vậy .

2.2. Về văn hóa

2.2.1. Ảnh hưởng tới nghệ thuật, kiến trúc: Nghệ thuật Phật giáo Champa xu hướng nghệ thuật liên châu Á

Nghệ thuật Phật giáo ở Đông Nam Á sử dụng ngôn ngữ tạo hình có mẫu số tập trung, trong đó có sự hòa nhập từ vựng và ngữ pháp dùng để đặc tả ngẫu tượng thường được vay mượn lẫn nhau trong văn hóa trong đất nước. Khác với nghệ thuật Ấn Độ giáo/Hindu .

Sự truyền bá rộng rãi của tín ngưỡng Quan Thế Âm trong Phật giáo Đại thừa tại khu vực Đông Nam Á đã ảnh hưởng rất lớn đến quy cách tạo hình của nền nghệ thuật của các vương quốc này . Sự ảnh hưởng đó có mối liên hệ với nhau đó là xu hướng nghệ thuật liên Châu Á. Sự đa dạng trong

thống nhất của các đặc tính tạo nên những tác phẩm nghệ thuật Phật giáo, nhất là hình tượng Quán Thế Âm .

Nói đến Champa lúc ấy là một vương quốc trong khu vực Đông Nam Á với sự thuận lợi đó là tọa lạc trên trục chính của “con đường tơ lụa trên biển” nối liền giữa Nam Á và Đông Á, cho nên các cảng thị Champa đã từng là nơi dừng chân cho các nhà truyền giáo Ấn Độ trên đường đến Đông Á và của các tăng sĩ Trung Hoa trên đường hành hương đến Ấn Độ trong nhiều thế kỷ : “Trong khi chờ đợi các đợt gió mùa hằng năm, các nhà hành hương Trung Hoa đã lưu trú và học tiếng Phạn/Sanskrit tại các cảng thị của Champa trước khi đến thỉnh học kinh điển tại các Phật viện ở Ấn Độ hoặc Sri Lanka; chính những nhà truyền giáo Ấn Độ đã mang theo những hình tượng Phật giáo đầu tiên đến phổ biến tại Champa trong những thế kỷ đầu Công nguyên. Hình tượng Quán Thế Âm thường được các nhà truyền giáo và thương nhân mang đến trong những chuyến hải trình để cầu nguyện sự hộ trì an bình của đức bồ tát” [25; tr. 17].

Vương quốc Champa vừa là nơi cung cấp vừa kiểm soát nguồn hương liệu và gia vị quan trọng của khu vực, vì thế nó đã chiếm giữ vai trò chính yếu trên con đường giao lưu từ Nam Á, Đông Nam Á đến Trung Hoa. Theo nhiều nguồn sử liệu, Miền Trung Việt Nam là nơi có nguồn trầm hương cao ở trong rừng có mặc dù không dễ lấy nhưng có tiềm năng khai thác và đó là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Champa đến các thương nhân nước ngoài như Ả Rập, Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản.

Với nguồn lợi phong phú mang đến từ ngoại thương và kiểm soát được các thị cảng, cửa biển; quý tộc và thương nhân Champa đã biết ơn đến những vị Phật pháp của họ. Họ đã cúng rất rộng rãi tiền bạc, công sức để xây dựng rất nhiều cơ sở tôn giáo đồ sộ trong khắp vương quốc. Phật giáo có thể đã truyền nhiều cơ sở tôn giáo đồ sộ trong khắp vương quốc. Phật giáo có thể bắt đầu đã giao lưu với Ấn Độ vào khoảng thế kỷ IV hoặc sớm hơn thế. Theo pháp sư Nghĩa Tịnh, người Trung Quốc trên đường đi thỉnh kinh trại Ấn Độ đã ghé đến thăm Champa vào cuối thế kỷ VII (671-695), ông đã ghi lại: “Đương thời hai hệ phái Chính Lượng Bộ/Aryasammitiya và Nhất Thiết Hữu

Bộ/Sarvāstivāda của Phật giáo Tiểu thừa/Hinayana được truyền bá tại đây” [25; tr. 2].

Từ cuối thế kỷ VIII trở về sau, Phật giáo Đại Thừa phổ biến mạnh mẽ ở Đông Nma Á và đã ảnh hưởng đến Champa. Thời kỳ hưng thịnh mạnh mẽ ở Đông Nam Á và đã ảnh hưởng rất nhiều đến Champa. Thời kỳ hưng thịnh nhất của Phật giáo Champa đã xuất hiện dưới vương triều Indrapura vào thế kỷ IX đến thế kỷ X, được đánh dấu bằng việc vua Indrapurra – Lokesvara tại Đồng Dương, Thăng Bình, Quảng Nam, vào năm 875 đây là di tích quan trọng nhất ở Đông Nam Á. Phật giáo thời Indrapura mang đậm những yếu tố Mật tông, họ rất chú trọng hệ phái Kim Cương thừa. Một minh văn Champa tìm thấy tại An Thái, Thăng Bình, Quảng Nam có niên đại khoảng thế kỷ thứ X, hàm chứa nội dung về Kim Cương thừa khi đề cập đức Tỳ Lô Gia Na Phật và tư tưởng Không Đại Không, Siêu Việt Không tức Chân Không Diện Hữu.

Bên cạnh những kiến trúc đền tháp kỳ vĩ, một bằng chứng khác cho thấy sự hưng thịnh của vương triều Indrapura, là đã có nhiều tác phẩm điêu khắc Phật giáo bằng sa thạch và bằng kim loại, hầu hết thể hiện hình tượng Quán Thế Âm, được tìm thấy phổ biến khắp vương quốc; trong đó, trước hết, phải kể đến hai pho tượng đồng lớn tìm thấy tại Phật viện Đồng Dương: “*Một thể hiện đức Phật thuộc thế kỷ VII, cao 119cm; và, một thể hiện đức Quán Thế Âm mang danh hiệu đặc biệt của Champa gọi là Laksmindra-Lokesvara, thuộc thế kỷ IX, cao 115cm; cả hai được đánh giá là kiệt tác của nền điêu khắc Phật giáo châu Á*” [7; tr. 69] và vừa được công nhận là Quốc bảo của Việt Nam. Đây là một thời kỳ nghệ thuật độc đáo, nó đã đánh dấu sự chuyển đổi quan trọng trong kỹ thuật xây dựng đền-tháp cũng như trong thủ pháp tạc tượng, đặt nền tảng cho sự phát triển nhanh chóng của nghệ thuật Chăm trong các thế kỷ sau.

Sự ảnh hưởng liên Châu Á khiến cho những pho tượng có những nét phong cách giống nhau nhưng với Champa những pho tượng vẫn mang vẻ đẹp riêng biệt qua những tác phẩm điêu khắc của nghệ nhân Champa

2.2.2. Tôn giáo với văn học truyền thống của người Champa

Các bia kí ở Đồng Dương và Po Nagar nói tới các vị tổ huyền thoại của các vị vua Champa là những người trong dòng họ Pandava đã phần nào nói lên sự phổ biến của bộ sử thi nổi tiếng thứ hai của Ấn Độ - sử thi Mahabharata - ở Champa. Theo những nghiên cứu gần đây, bức phù điêu mang kí hiệu 47-7 ở bảo tàng Chăm - Đà Nẵng có xuất xứ từ thành Bình Định thể hiện cảnh Ácgiunna cùng hoàng tử Utara ra trận, một trong những tình tiết quan trọng của sử thi Mahabharata. Những hình khắc trên bốn mặt của bệ tượng Trà Kiệu (thế kỷ X) nổi tiếng thể hiện cảnh tượng tiêu biểu rút ra từ bộ Bhagavata purana. Như vậy là không chỉ là các bộ sử thi mà các truyện cổ tích của Ấn Độ đã có mặt ở Champa .

Người xưa cũng hiểu qua giáo lý Phật giáo, đức Phật thường khuyên con người hãy tinh tấn lên, cho dù kiếp này ta có được hưởng giàu sang phú quý là do kiếp trước ta gieo những hạt giống tốt nên đời nay ta hái những quả ngọt như vậy, nếu ta không biết tạo thêm những hạt giống tốt khác thì dù phước đời trước ta có nhiều bao nhiêu đến khi hết thì ta cũng phải chịu cảnh cơ hàn. Tinh thần đoàn kết tương thân tương ái của người dân xứ Quảng, đồng sức đồng lòng mới chiến thắng được kẻ thù hòa hợp thì không ai có thể xen vào để chia rẽ, phá phách. Vậy nên trong giáo lý đạo Phật có pháp lục hòa khiến mọi người đều có pháp lạc trong cuộc sống.

Ta thấy được chư tổ dạy phải biết nghe những điều nên nghe và tránh những điều không đáng nghe để mỗi ngày ta nuôi lớn những điều tốt ở trong ta, làm cho nó lớn dần thêm nữa và từ đó sẽ không có chỗ cho những gì xấu, dơ chiếm chỗ trong tâm mình. Trong Quy Sơn Cảnh Sách có dạy rằng: “*Thân cận thiện hữu, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận*” [13; tr. 87]. Và ca dao cũng đã có câu “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*” [13; tr. 87]. Tất cả những câu Ca dao Việt Nam nói chung và của Quảng Nam nói riêng đều khuyên con người những đạo lý sống làm sao để tốt đạo đẹp đời. Từ đây, ta có thể nhận định rằng đức tính cần cù trong lao động sẵn có, với tính thông minh sáng tạo trong cuộc sống thì ở con người xứ Quảng này dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, điều nhân nghĩa, lễ phép cũng được tôn trọng triệt để.

Ngoài những hình phù điêu thể hiện các nội dung một thần thoại hay truyền thuyết Ấn Độ nào đó, hàng chục hình ảnh tượng trưng trên phù điêu đá của Champa cũng là hình ảnh những vị thần của hệ thống thần thoại Ấn Độ, trên các điêu khắc Champa hình ảnh của hầu như tất cả các vị thần lớn nhỏ của Ấn Độ: Brahma cùng vợ là Krisna; Siva cùng các vợ là Uma, Bhagavati, Durga và các con là Skanda và Ganesa, các tiên nữ Apsara và các nhạc công thiên giới Gandharva .

Như vậy, qua bia kí và những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, chúng ta thấy ở Champa đã có mặt hầu như toàn bộ những tác phẩm văn học nổi tiếng cũng như các hệ thống thần thoại và truyền thuyết thuộc những tôn giáo khác nhau của Ấn Độ.

2.3. Ảnh hưởng ra bên ngoài

Nhà sư Phật giáo Champa được biết đến nhiều nhất là Phật Triết. *“Ngài đã đến Nhật Bản vào năm 736 và lưu lại đến 752. Trong thời gian đó, Phật Triết đã có truyền Phật giáo vào Nhật Bản, truyền 8 điệu nhã nhạc Champa đến Nhật Bản mà còn lưu giữ đến bây giờ”* [19; tr. 106].

Không chỉ có Nhật Bản mà Phật giáo Champa ảnh hưởng đến rất nhiều những quốc gia khác như Trung Hoa, các nước khu vực Đông Nam Á một cách trực tiếp hay gián tiếp nhưng vẫn luôn hòa bình, hòa hợp.

2.3.1. Sự tích Phật Triết một nhà sư Mật tông và sự kiện truyền bá Phật giáo Champa đến Nhật Bản và Ấn Độ

Trong Đại An Tự Bồ Đề truyền lai ký quyển thứ 3, chương cúng dường của Đông Đại tự yếu lược đã ghi lại rằng sau khi Bồ Đề Tiên Na chạy đến núi Ngũ Đại ở Chân Đán, tức Trung Hoa, đề cầu Văn Thù Bồ Tát thì có gặp Phật Triết và sau đó có một câu chuyện thần bí liên quan đến nhà sư Phật Triết được ghi lại như sau :

“Bồ Đề Tiên Na nghe nói rằng Văn Thù Bồ Tát trú tại núi Ngũ Đài tại Chân Đán nên mong muốn đến được ngọn núi đó. Vào khoảng thời gian đó Phật Triết, người Bắc Thiên Trúc được sinh ra và đã sang đây. Nhà sư Phật Triết đã học Phật Pháp từ nhỏ, giỏi thuật niệm chú, tinh thông thiên lý và hiểu biết những điều cơ mật huyền bí. Phật Triết muốn có ngọc châu như ý

nên làm cho thuyền nổi trên đại dương bao la và niệm chú gọi Long Vương. Long Vương đầu hàng trước khả năng niệm chú của ông, lấy ngọc châu ra cho ông và nói rằng, nếu nhà ngươi bỏ phép thủ ấn, ta sẽ ban ngọc châu cho ngươi. Khi Phật Triết bỏ phép thủ ấn theo lời Long Vương thì một cơn gió lớn bỗng nổi lên, sau đó ông bị trôi dạt đến phía Nam Thiên Trúc” [22; tr. 7].

Trong câu chuyện này có thuật lại nói rằng Phật Triết học Phật giáo từ nhỏ và là người ham học hỏi nên học rất giỏi về thuật niệm chú. Khi gây áp lực cho Long Vương bằng thuật niệm chú trên biển và bị Long Vương lừa và giải trừ thủ ấn. Long Vương đã gây nên một trận cuồng phong khiến ông trôi dạt đến miền Nam Ấn Độ và đã gặp Bồ Đề Tiên Na .

“Điều đáng chú ý là Phật Triết học Phật giáo và đồng thời ông cũng biết thuật niệm chú sử dụng thủ ấn. Thủ ấn là cách chấp các đầu ngón tay biểu thị cho Đức Phật và các vị Bồ Tát. Cách niệm Phật và Bồ Tát trong tám biểu thị bằng phép thủ ấn, miệng xưng danh hiệu Phật và Bồ Tát hoặc phát ra bằng miệng tiếng Phạn “Đa La Ni” bằng miệng chắc chắn là “Tam mật gia trì” của Phật giáo Mật Tông. Câu chuyện thần thoại này tuy mang nhiều sắc thái thần bí nhưng dù sao Phật Triết cũng được miêu tả là một nhà sư Mật tông. Trong Phật giáo Lâm Ấp của thế kỷ thứ 8, Phật giáo Đại thừa đặc biệt là Mật tông đã được tiến hành ở đây. Văn bia An Thái được viết năm 902, có ghi “Kim cương thủ Bồ tát là đối tượng tín ngưỡng của Mật tông. Nếu kết hợp với điều này để cân nhắc thì có thể thấy Phật giáo Lâm Ấp vào thế kỷ 8 chịu ảnh hưởng của Mật tông” [3; tr. 66].

Hơn nữa, có một điều đáng lưu ý là nơi xuất hiện của Phật Triết là ở trên biển và câu chuyện ông đã vượt biển sang Ấn Độ. Việc này đã tương tự với việc nhiều nhà sư xuất thân từ Việt Nam đã sang Ấn Độ và khu vực có đường biển Đông Nam Á. Chẳng hạn như một trong quyền thượng của Đại Dương Tây Vực cầu pháp cao tăng và từ đó gửi sang Trung Quốc vào năm Thiên Viện năm thứ 2 năm 691. Trong đó có ghi chép như sau :

“Sur Vận Kỳ là người Giao Châu, (...) vòng quanh Nam Hải hơn 10 năm, thông thạo tiếng Côn Lôn và rất giỏi tiếng Phạn. Sau khi hoàn tục, vị sư ấy ở lại nước Tát Lợi Phật Thè, bây giờ vẫn ở lại đây. (...) Nhà sư Vận Kỳ

xuất thân ở Giao Châu, tương đương với miền Bắc Việt Nam hiện nay. Ông đã đi lại trong khu vực Nam Hải trong 10 năm nên thông thạo cả tiếng Phạn và âm Côn Lôn, một âm tiết biểu thị cho ngôn ngữ của khu vực Đông Nam Á. Kinh điển Phật giáo này còn ghi lại tiếp rằng, sau khi hoàn tục cho đến thời đại của nhà sư Nghĩa Tĩnh, nhà sư Vận Kỳ sinh sống tại đế quốc Tất Lợi Phật Thệ (Sri Vijaya) vốn là một nước phồn thịnh có trung tâm là Palembang ở đảo Sumatora của Indonesia hiện nay” [19; tr. 30].

Trong quyển thượng của Đại Đường Tây Vực cầu pháp cao tăng truyền lại ghi chép rằng:

“Tri Hành pháp sư là người Ái Châu, tên tiếng Phạn là Bát Nhã Đề Ba [Tên tiếng Tàu gọi là Huệ Thiên], dong thuyền trên Nam Hải và đến được Tây Thiên (...). Pháp sư Tri Hành xuất thân ở Giao Châu tương đương với tỉnh Thanh Hóa, miền Bắc Trung Bộ của Việt Nam ngày nay. Ông đã vượt Nam Hải đến tận Tây Thiên tức Ấn Độ. Ông có hai danh xưng, một theo tiếng Phạn gọi là Bát Nhã Đề Ba (Prajñādeba), hai là tên tiếng Hán gọi là Huệ Thiên. Điều đó cho thấy pháp sư Tri Hành là một nhân vật đã hoạt động cả ở Ấn Độ lẫn Trung Quốc” [1; tr. 38].

Theo những thông tin trên, có thể thấy nhà sư Phật Triết đã sang Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Ông chính là người đại diện cho các nhà sư người Chăm đã hoàn thành vai trò cầu nối văn hóa giữa Champa với Nhật Bản Trung Quốc và Ấn Độ trên phạm vi rộng lớn và trong một thời gian dài .

2.3.2. Giới luật của Phật giáo và vũ điệu mà Phật Triết sáng tạo ở Nhật Bản

Phật Triết được biết đến ở Nhật Bản bởi việc truyền đạo Phật giáo và bởi vũ điệu ở Pháp hội khai nhãn cho tượng Phật lớn chùa Đông Đại. Đơn cử như trong Quán Vô Lượng Thọ kinh của kinh điển Đại thừa có ghi chép là vua A Xà Thế của Xá Thành bái lạy Thích Ca Mâu Ni và cầu rằng: *“Xin Phật đánh thức tâm từ bi và ban phật Bát giới cho con”*. Liên quan đến thuật Bát giới, nhà sư Thiện Đạo (613-681) là một cao tăng phái Tịnh độ của Trung Quốc đã giải thích cụ thể trong phần chú giải của quyển thứ 2 – Phân nghĩa quán kinh thuộc bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh sơ như sau :

“Không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, không được bôi dầu xức phấn vào cơ thể, không ca vũ xướng kỹ, không đi nghe hay xem ca vũ xướng kỹ, không được lên sân to lớn nằm ở chỗ cao và rộng” [19; tr. 123].

Tám điều này là giới luật chứ không phải là chay tịnh. Trong đó, giới luật thứ 6 và thứ 7 chủ yếu là của Phật giáo Đại Thừa . các giới luật đề cấm Phật tử múa, hát xem hay nghe. Hơn nữa, trong Đại trí độ luận, cuốn bách khoa toàn thư bách Phật giáo do Long Thọ, tổ thứ 3 của Chân Ngôn tông Nhật Bản chấp bút và ở quyển thứ 13 có viết các nhà sư Mật Tông tự cấm mình múa, hát hay chơi nhạc, cụ thể như sau :

“Như cho đến Chư Phật cũng không tự múa hát cho vui, cũng không đi xem và nghe nó. Chúng ta cũng suốt ngày suốt đêm không tự múa hát cho vui, không đi xem và cũng không nghe nhạc”[19; tr. 130].

Phật Triết vừa là tu sĩ trong Phật giáo vừa là người giảng dạy âm nhạc cho người dân Nhật Bản. đây là điều mới lạ thể hiện ông là con người có sự nhanh nhạy không gò bó ở trong khuôn phép mà luôn linh hoạt sáng tạo ra những điều mới lạ bất chấp những điều luật khắt khe của Phật giáo Đại Thừa. Việc các nhà sư Nhật Bản lúc đó không hề chê trách Phật Triết phá giới có thể suy đoán được tình huống như trên

Những truyền thuyết về Phật Triết ở Nhật Bản được bao trùm bởi một sắc thái thần bí giống như câu chuyện thần thoại dựa vào năng lực của Mật tông để áp đảo Long Vương. Đây là một tình tiết trong truyện Phật Triết cho thấy năng lực pháp thuật phái Mật tông mà Phật Triết có được là kiệt xuất. Đồng thời, pháp thuật Mật tông của Phật Triết không chỉ đơn giản là thuật niệm chú mà còn có thể hiện một trình độ vượt trội hơn .

Theo sự tích về Phật Triết ở Nhật Bản như trên, trong Phật giáo Lâm Ấp thế kỷ VII đã tồn tại Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là Mật tông. Nếu kết hợp sự tích về Phật Triết này với nội dung của Văn bia An Thái ở đầu thế kỷ X và Nam Hải ký quy nội pháp truyền của cuối thế kỷ VII, thì có thể khẳng định rằng Phật giáo Tiểu thừa đã được tiến hành ở Lâm Ấp vào thế kỷ VII, sau đó

chuyển hóa thành Mật tông vào thế kỷ VIII và khuynh hướng này đã tiếp tục lưu truyền về sau .

Việc Phật Triết đi thuyền sang Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ là hoạt động truyền giáo ra nước ngoài mà các nhà sư Champa thường thực hiện vào thế kỷ VII. Do đó tại Nhật Bản, Phật Triết đã trình diễn vũ điệu của Lâm Ấp và giảng dạy tiếng Phạn. Các sự tích về Phật Triết là ví dụ sớm nhất có thể xác nhận việc các nhà sư người Champa đã hoàn toàn tất vai trò quan trọng như một cầu nối giữa hai khu văn hóa Trung Quốc và văn hóa Ấn Độ .

Cùng với sự gia tăng về lượng thông tin địa lý hải ngoại ở Nhật Bản trước và sau thời điểm Phật Triết đến, những bản tóm tắt khá hoàn chỉnh về tài liệu lịch sử cùng thời điểm đó cùng những nhận định tổng hợp về tình hình của Phật giáo Champa trong giai đoạn này và Phật Triết với nơi xuất thân từ nước Champa vẫn ở miền Trung Việt Nam .

Phật giáo Champa vào thế kỷ VIII đã có bóng dáng của Phật giáo và vào thế kỷ IX đã có bóng dáng của Phật giáo Đại Thừa. Thế nhưng sử liệu Champa vào thế kỷ VIII lại bị bỏ trống. Sự tích Phật Triết ở Nhật Bản là sự san lấp khoảng trống này của Phật giáo Champa vào thế kỷ VIII .

Theo sử liệu của Nhật Bản, Phật giáo mà nhà sư Phật Triết truyền bá sang đây là Phật giáo Mật tông. Việc này chứng tỏ Phật giáo Champa vào thế kỷ VIII đã chuyển hóa sang Nhật Bản là Phật giáo Đại Thừa. Theo đó, từ những hoạt động của Phật Triết tại Nhật Bản, ông được xem là một nhà hoạt động tôn giáo vừa là tu sĩ đạo Hindu và đồng thời cũng là một nhà sư phái Mật Tông. Hơn nữa, với các điệu múa và giảng dạy tiếng Phạn, Phật Triết đã tạo ra nhiều ảnh hưởng đến văn hóa Nhật Bản ngày nay .

Nhà sư Phật Triết hay nhà sư Nghĩa Tịnh đều có điểm chung là muốn phát triển nền văn hóa Phật giáo ở vương quốc mình nên đã đi có những cống hiến cho vương quốc của mình họ đều cố gắng giao lưu đến nhiều nước trong khu vực đặc biệt là với Ấn Độ và Trung Hoa càng ngày càng được phát triển hơn.

Tiểu kết chương 2

Ảnh hưởng của Phật giáo đến với Champa ở tất cả các mặt đời sống từ xã hội, văn hóa, tư tưởng trong các lĩnh vực tạo nên các nghi lễ văn hóa đặc thù của người dân Chăm.

Phật giáo Champa được người dân Chăm hòa vào trong những câu ca dao tục ngữ, không chỉ riêng trong tín ngưỡng dân ca mà còn có cả trong những lễ hội Phật giáo thờ Quan Thế Âm Bồ Tát từ thời xưa để lại còn lưu giữ đến ngày nay. Với khuynh hướng nghệ thuật liên Châu Á đặc biệt việc ảnh hưởng ra bên ngoài của nhà sư Phật Triết là một minh chứng cho sự phát triển và ảnh hưởng của Phật giáo Champa từ đó sẽ thấy được nét đặc biệt của Phật giáo Champa.

Không chỉ phát triển trong nước mà Phật giáo Champa còn có sự ảnh hưởng ra bên ngoài như ở Nhật Bản và Trung Hoa đã có những dấu ấn Phật giáo Champa phải kể đến nhà sư Phật Triết.

KẾT LUẬN

Champa từ khi có ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và đặc biệt đó là sự du nhập của tôn giáo Phật giáo Đại thừa kết hợp với văn hóa dân gian trước đây càng tô đậm nên nét đặc sắc của Phật giáo khi vào đến Champa. Phật giáo được du nhập vào Champa từ rất sớm, dần dần giữ vai trò quan trọng trong thế kỷ IX- X, Phật giáo được coi là quốc giáo của Champa lúc bấy giờ.

“Phật giáo Champa từ thế kỷ III đến thế kỷ X” qua các giai đoạn phát triển từ khi du nhập qua những con đường khác nhau những luôn mang tính chất hòa bình, ôn hậu được mọi người dân Chăm nhà nước Champa đón nhận. Các vương triều cai trị trong thời gian Phật giáo còn tồn tại luôn luôn chăm lo cho đời sống nhân dân, bang giao với những vùng khác hòa hảo, xây dựng nhiều công trình nghệ thuật mang tầm khu vực Châu Á và có dấu ấn ở nhiều nơi.

Việc ghi chép lại những dấu ấn Phật giáo Champa không chỉ ở trong những bi kí của Champa mà còn xuất hiện trong những ghi chép của những nhà sư truyền tôn giáo của những nước khác lúc bấy giờ như Đại Việt, Trung Hoa. Họ đến đây vừa là truyền đạo của nước mình nhưng cũng vừa ghi chép để tìm hiểu thêm tôn giáo của Champa.

Sự phát triển Phật giáo ở Champa thể hiện qua những thư tịch cổ của Đại Việt, Trung Hoa, những bia kí, di tích di vật mà đến ngày nay vẫn còn được lưu truyền đặc biệt phải kể đến hai thánh địa lớn : Thánh Địa Mỹ Sơn và Phật Viện Đồng Dương đều là nơi vang danh một thời của Phật giáo Champa với hàng nghìn bức tượng điêu khắc cổ truyền mang phong cách đặc trưng.

Về công trình Phật Viện Đồng Dương là một tu viện là một công trình Phật giáo lớn nhất khu vực Đông Nam Á lúc bấy giờ. Với quy mô rộng lớn và có hiệu quần thể kiến trúc bên trong, không những thế ở đây còn có rất nhiều pho tượng cổ. Được rất nhiều ông vua của những nước láng giềng tới để học hỏi những triết lý Phật giáo ở trong đó.

Ảnh hưởng của Phật giáo đến Champa rất sâu sắc từ khi mới du nhập vào hình ảnh bà mẹ xứ sở Po Nagar nhân hậu, đoan trang mang đi theo con đường Phật giáo để đất nước phát triển hơn và không có chiến tranh, người dân sau đó đã đi theo Phật giáo góp tiền cùng nhau xây dựng, bảo vệ cho Phật

giáo phát triển hơn. Không chỉ ảnh hưởng đến tín ngưỡng lúc ấy mà người dân Champa cũng lưu lại qua những câu ca dao, tục ngữ mang nét đẹp của Phật giáo về tình yêu thương con người trong đời sống.

Không chỉ biểu hiện ở những kiến trúc Phật giáo Champa còn là sự giao lưu. những sư thầy chân chính Phật giáo luôn mang đi đến những nơi họ dừng chân những tinh túy của Phật giáo Champa như nhà sư Phật Triết đã mang đến cho Nhật Bản một nét văn hóa mới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Xuân Biên(1993), *Văn hóa Champa-yếu tố bản địa và bản địa hóa*, *Tạp chí dân số học, số 1*, Hà Nội
2. Phan Xuân Biên (2001), *Văn hóa Chăm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
3. Lê Xuân Diêm, Vũ Kim Lộc (1996), *Cổ vật Champa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội
4. Ngô Văn Doanh (1997), *Động Phong Nha và các di tích ở Quảng Bình, tạp chí xưa và nay, số T6, 1997*
5. Ngô Văn Doanh(2008), *Phật Viện Đông Dương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
6. Ngô Văn Doanh(1994), *Tháp cổ Champa-sự thật và huyền thoại*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
7. Ngô Văn Doanh(2003), *Thánh Địa Mỹ Sơn*, Nhà xuất bản Trẻ, Hà Nội
8. Ngô Văn Doanh(2003), *Văn hóa cổ Champa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội
9. Ngô Văn Doanh, *Tháp bà Po Nagar: từ các Parana Ấn Độ đến những tính dân gian của người Chăm và người Việt*, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Nhà xuất bản Trẻ, Hà Nội
10. Thông Thanh Khánh (1991), *Dấu ấn Phật giáo Champa*, Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội
11. Thông Thanh Khánh (2003), *Thời điểm du nhập Phật giáo vào Champa*, *Nghiên cứu tôn giáo, số 08*, Hà Nội
12. Lê Đình Phụng (2002) *Di tích văn hóa Chăm ở Bình Định*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
13. Lê Đình Phụng(1989), *Dấu ấn văn hóa Champa những phát hiện mới ở tỉnh Nghĩa Bình, tạp chí khảo cổ học số 1*
14. Nguyễn Đức Toàn (2001), *Ảnh hưởng tôn giáo đối với tín ngưỡng của Chăm ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Chuyên ngành Dân tộc học, Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn, TP Hồ Chí Minh

15. Quảng Văn Sơn (2014), *Phật giáo Champa từ tư liệu đến nhận thức*, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 06, Hà Nội
16. Vương Hải Yến (1995), *Các tượng Phật Champa bằng đồng tại bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh*, *Tạp chí khảo cổ học* số 2, TP Hồ Chí Minh
17. Jean Boisselier (1999), *Nghệ thuật tạc tượng Champa*, Viễn Đông Bác Cổ Pháp
18. L. Fnot (1997), *Vương quốc Champa Địa Dư, Dân Cư và Lịch Sử*, Nhà xuất bản Trẻ, Hà Nội.
19. Iva Kara (2007), *Hành trình văn hóa Chăm*, Nhà xuất bản Nhã Nam, Hà Nội
20. Louis Trederic (Phan Quang Định dịch (2005), *Trang tượng và thần phổ Phật giáo*, Mỹ Thuật, Hà Nội
21. Cuộc sống Việt, *Thánh địa Mỹ Sơn- Di sản văn hóa đặc sắc của nền văn minh Champa*, 2006 <https://nslide.com>, 5h10 10/12/2018 <https://nslide.com/bai-viet/thanh-dia-my-son-di-san-van-hoa-dac-sac-cua-nen-van-minh-champa.clt5wq.html>
22. Nguyễn Đức Hiệp , *Lâm Ấp- Champa và Di sản*, 2006 <https://nslide.com> 4h30 20/12/2018 <https://nslide.com/bai-viet/lam-ap-champa-va-di-san.8dbowq.html>
23. Thông Thanh Khánh, *Hình tượng Bồ Tát (Bodhisattva) trong nghệ thuật điêu khắc Champa* 2006 <https://www.phatan.org> 7h00 25/01/2019 <https://www.phatan.org/a2884/hinh-tuong-bo-tat-bodhisattva-trong-nghe-thuat-dieu-khac-champa>
24. Phan Quốc Anh, *Ảnh hưởng của Ấn Độ đến tôn giáo của người Chăm ở Ninh Thuận*, <http://www.zbook.vn> 8h40 15/02/2019 <http://www.zbook.vn/ebook/anh-huong-cua-van-hoa-an-do-den-toc-nguoi-cham-o-viet-nam-nguoi-cham-da-tiep-nhan-no-ra-sao-duoc-the-hien-nhu-the-nao-28715/>
25. Theo Báo Quảng Nam (2009), *Nghệ thuật Phật giáo Champa: Khuynh hướng nghệ thuật liên Châu Á*, <http://www.mysonsanctuary.com.vn> 9h20

13/03/2019 <http://www.mysonsanctuary.com.vn/tam-diem/60/648/nghe-thuat-phat-giao-champa-xu-huong-nghe-thuat-lien-chau-a/>

PHỤ LỤC



Phật Viện Đồng Dương

(<http://thegioidisan.vn>)



Tháp Mỹ Sơn

<http://thegioidisan.vn>



Cụm tháp tại Po Nagar

<http://thegioidisan.vn>



Tượng Quán Thế Âm Bồ-tát ở di tích Đại Hữu (Quảng Bình)



Tượng Quán Thế Âm ở Đại Hữu

(<http://www.baoquangnam.vn>)



Tượng Phật ở Đống Dương



Các chi tiết tượng Phật ở Đống Dương

(<http://www.baoquangnam.vn>)



Tháp Chăm và một số tượng đồng được phát hiện.

<http://www.baoquangnam.vn>



Họa ảnh Nhạc Lâm Ấp

<http://www.tapchisonghuong.com.vn>